

KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH ĐA LA BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tắng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_ Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Quy mệnh **Du Già Tự Tại Vương**.

Khéo trụ nơi Tam Muội **Như Huyễn**

Rộng khắp các biển cõi (sát hải) sâu tịnh

Hay hiển mọi thứ tùy loại Thân

Ta y **Liên Hoa Vương Ứng Môn**.

Mở bày Pháp **Đại Bi ĐA LA** (Mahà-kàruṇa-tàrà)

Vì khiến tu tập các **Tam Muội** (Samàdhi)

Xa lìa Định **Vô Bi Nhị Thừa**

Mau đủ Thần Thông, **Ba La Mật** (Pàramità)

Liên hay đốn chứng Như Lai Vị

Hành Giả nên phát **Tâm Phổ Hiền** (Samanta-bhadra-citta)

Theo Thầy nhận đủ Giới Kim Cương.

Chẳng nguyện: “Thân mệnh vượt Tâm Từ”

Liên hay thâm nhập **Luân Giải Thoát** (Mokṣa-cakra)

Nên theo Thầy nhận **Tam Muội Gia** (Samaya).

Khế Ấn, Mật Ngữ như Kinh nói

Kính **A Xà Lê** (Àcàrye_ Đạo Sư) tướng như Phật

Đối với Đồng học, Tâm ân trọng.

Hoặc ở sườn núi, **A Lan Nhã** (Àraṇya – nơi tịch tĩnh)

Sông, suối, ao, đầm, nơi Thích ý

Ngọn núi, hang, hốc đá, bên cây.

Xây dựng **Đạo Trường** (Maṇḍala) như phép tắc.

Trang nghiêm **Tinh Thất** đặt Bản Tôn.

Tùy sức cúng dường, nhất tâm trụ

Quán khắp các Phật Hải mười phương.

Sám hối, phát nguyện đều như Giáo

Vì thành ba nghiệp Kim Cương nên.

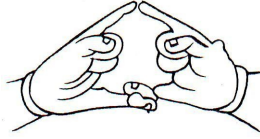
Ngay trong hai tay, lưỡi, trái tim

Tướng chữ **Hồng** (紅 - Hùṃ) thành chày Ngũ Trí

Do đấy gia trì **Năng Tắt Địa**

Tiếp nên kết Khế, tên **Cảnh Giác**

Hai tay đều nắm Kim Cương Quyển
 Đàn Tuệ (2 ngón út) móc nhau, dựng Tiến Lực (2 ngón trỏ)
 Hai Độ (2 ngón tay) dính nhau, tên Khởi Ấn



Chân Ngôn là:
 “**Án – phộc nhật_lộ để sắt_tra**”
 ॐ वज्र तिष्ठा हूं
 OM – VAJRA TIṢṬA – HŪM

_Tiếp, nên kính lễ A Súc Tôn (Akṣobhya)
 Xả thân cầu thỉnh **Bất Thoái chuyển**
Kim Cương hợp chưởng, duỗi trên đỉnh
 Toàn thân sát đất, dùng tim lễ



Chân Ngôn là:
 “**Án – Tát phộc đát tha nghiệt đa, bố nho ba tát tha na dạ đáp_ma nam,**
Niết lệ_dạ đa dạ nhĩ – tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật_la tát đát_phộc,
địa sắt_xá, tát_phộc - Hàm”

ॐ सत्त्वगतं सुखं च सुखं तस्मिन् ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ
 ॐ सत्त्वगतं सुखं च सुखं तस्मिन् ॐ

* OM – SARVA TATHÀGATA PÙJA PASVANÀYA ATMANÀM –
 NIRYÀTA YÀMI – SARVA TATHÀGATA VAJRASATVA ADHIṢṬA SVÀMAM
 – HŪM

_ Tiếp lễ Nam phương **Bảo Sinh Tôn** (Ratna Saṃbhava)
 Xả thân cầu thỉnh **Quán Đỉnh Vị**
 Kim Cương hợp chưởng để ngang tim
 Đặt Trán sát đất chân thành lễ.



Chân Ngôn là:
 “**Án – Tát Phộc đát tha nghiệt đa, bố nhạ tỳ sái ca già, đát_ma nam –**
Niết lệ_dạ đa, dạ nhĩ –Tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật_la, la đát-ná. A Tỳ
Tru giả hàm”

ॐ सर्वं तथैवागं प्रसूक्ष्णाय तन्मन्त्रं त्र्यम्बकं यथा सर्वं तथैवागं व
ज्राय तन्मन्त्रं सूत्रं ॥

* OM – SARVA TATHÀGATA PÙJA ABHIŞAIKÀYA ATMANÀM
NIRYÀTA YÀMI – SARVA TATHÀGATA VAJRA RATNA ABHIŞIMCA
SVÀMAM – TRÀH.

_Tiếp lễ **Quán Tự Tại Vương Tôn** (Avalokite 'svara-ràja)

Xả thân cầu thỉnh **Tam Ma Địa**

Kim Cương hợp chưởng đặt trên đỉnh

Để miệng sát đất, thành tâm lễ



Chân Ngôn là:

“**Án – Tát Phộc đát tha nghiệt đa, bố nhạ, bát_la miệt lật_la ná gia,**
đát_ma nam – Niết li_da đa, dạ nhĩ – Tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật_la
đạt ma, bát_la miệt lật_da dạ hàm”

ॐ सर्वं तथैवागं प्रसूक्ष्णाय तन्मन्त्रं त्र्यम्बकं यथा सर्वं तथैवागं व
ज्राय तन्मन्त्रं सूत्रं ॥

* OM – SARVA TATHÀGATA PÙJA PRAVARTTANÀYA ATMANÀM
NIRYÀTA YÀMI – SARVA TATHÀGATA VAJRA DHARMA PRAVARTTÀYA
SVÀMAM – HRÌH.

_Tiếp lễ **Bất Không Thành Tự Tôn** (Amogha-siddhi)

Xả thân cầu thỉnh **Thiện Xảo Trí**

Kim Cương hợp chưởng để ngang tim

Để đỉnh sát đất, cúi đầu lễ



Chân Ngôn là:

“**Án – Tát Phộc đát tha nghiệt đa, bố nhạ yết ma ni, A đát_ma nam, Niết**
li_da đa, dạ nhĩ – Tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật_la yết ma, cú lỗ hàm”

ॐ सर्वं तथैवागं प्रसूक्ष्णाय तन्मन्त्रं त्र्यम्बकं यथा सर्वं तथैवागं व
ज्राय तन्मन्त्रं सूत्रं ॥

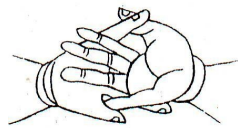
* OM – SARVA TATHÀGATA PÙJA KARMAÑI ATMANÀM NIRYÀTA
YÀMI – SARVA TATHÀGATA VAJRA KARMA KURU SVÀMAM – ÀH.

_Tiếp lễ **Chư Phật đầy Hư không**

Nên kết giữ Ấn lễ khắp chân.

Thiền Tuệ (Ngón cái phải, ngón út trái) Đản Trí (ngón út phải và ngón cái trái) cài ngược nhau

Gối phải sát đất, đặt (Ấn) trên Đỉnh



Chân Ngôn là:

“Ấn – Tát Phộc nhật_la, Vi”

ॐ वज्र वीः

* OM – VAJRA VÌH

_ Tiếp dùng Chân Ngôn Diệu Thành Tự

Nguyện khắp chúng sinh đồng Tát Địa

Tất cả Như Lai xưng tán Pháp

Nên nguyện Gia Trì mau thành tựu.

Chân Ngôn là:

“Ấn – Tát_phộc dát tha nghiệt đa hương tất đa, tát phộc tát dát_phộc nam, tát phộc tát đà được, tam bát đồ đam, dát tha nghiệt đa Thất giả, địa để sát_tổng đam”

ॐ सर्व गणनाय नमः सर्व सर्व सर्व सर्वैः सर्वैः सर्वैः सर्वैः

* OM – SARVA TATHÀGATA SAMṢITÀH – SARVA SATVANÀM SARVA SIDDHAYAḤ SAMPADYATNÀM TATHÀGATA ‘SCA ADHITIṢṬANÀ

_ Tiếp nên thẳng thân ngồi Kiết Già

Tĩnh trừ ba nghiệp khiến thanh tĩnh

Các pháp vốn có tính thanh tĩnh

Nguyện khiến ta, người (tự tha) đều không dơ.

Chân Ngôn là:

“Ấn – Sa_phộc bà phộc thú đà, tát phộc đạt ma sa_phộc bà phộc thú độ hàm”

ॐ स्वभाव सुद्ध सर्वैः स्वभाव सुद्धैः

* OM – SVABHÀVA ‘SUDDHA – SARVA DHARMA SVABHÀVA ‘SUDDHA UHÀM

_ Tiếp kết Liên Hoa Tam Muội Gia

Mười độ (10 ngón tay) cài nhau buộc bền chắc

Nhấn nguyện (2 ngón giữa) hợp dựng như cánh sen

Tưởng Thân đồng với Đa La Tôn (Tàrà)



Chân Ngôn là:

“**Án – phộc nhật_la bát ná_ma Tam ma gia tát_đát_noan**”

ॐ वज्रपद्म समय स्त्वम्

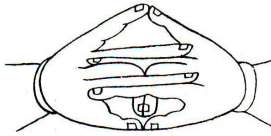
* OM – VAJRA PADMA SAMAYA STVAM

_ Tiếp kết **Cực Hỷ Tam Muội Ấn**

Hai vũ Định Tuệ (2 bàn tay) buộc bên chắc

Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) hợp cài lỏng ở giữa

Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái) dựng dính nhau.



Chân Ngôn là:

“**Án – Tam ma gia, Tổ phộc đa, tát_đát_noan**”

ॐ समय ह्य सुरता स्त्वम्

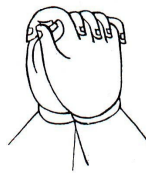
* OM – SAMAYA HOH SURATA STVAM

_ Tiếp đến Khai Tâm vào Phật Trí

Gia Trì hai vú: **Đát la** (५- vú phải) **Tra** (६ - vú trái)

Kết Kim Cương phộc để trước tim.

Ba Kéo (mở đẩy) Khai Tâm như mở cửa.



Chân Ngôn là:

“**Án – phộc nhật_la, mẫn đà, đát_la Tra**”

ॐ वज्रवध ह्य

* OM – VAJRA BANDHA TRÀT.

_ Tiếp Quán Đài Sen: **A Tự Môn (१)**

Hai điểm trang nghiêm (१-AH) thành Tịch Trí (Trí Niết Bàn)

Thiên Trí (2 ngón cái) co vào Kim Cương phộc

Triệu chữ tuôn vào ở trong tim.



Chân Ngôn là:

“**Án – chất đa bát_la để vĩ đấng ca lô nhĩ** “

ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ)

* OM – CITTA PRATIVEDHAM KARA UMI

_ Liên quán chữ A (ॐ) làm vành trắng

Rồi dùng chân ngôn khiến sáng tỏ

Chân Ngôn là:

“**Án – Mạo địa chất đa mẫu đất ba ná dạ nhĩ**”

ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ)

* OM – BODICITTAM UTPADA YAMI

_ Bản Tính Tự Tâm với Thanh Tĩnh

Nên khéo quán sát Sen Kim Cương (vajra padma)

Chân Ngôn là:

“**Án – Để sắt_tra bát ná_ma**”

ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ)

* OM – TIṢṬA PADMA.

_ Để thành một Tướng Thanh Tĩnh nên.

Khiến hé nở dần đồng pháp giới

Liên được Đại Bi Tam Ma Địa

Đều hay tỉnh khắp chúng sinh giới

Chân Ngôn là:

“**Án – Tát phát la, bát_ná ma**”

ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ)

* OM – SPHARA PADMA.

_ Vì khiến Tam Muội Thuần thực nên

Đều khiến thu rút được Tự Tại

Sen Trí nhỏ dần bằng thân mình

Phát hào quang Tịnh chiếu Tam Muội

Chân Ngôn là:

“**Án – Tãng ha la, bát_ná_ma**”

ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ)

* OM – SAMHARA PADMA.

_ Tiếp dùng Chân ngôn Diệu Kiên Cố

Gia Trì hay khiến chẳng lay động.

Chân Ngôn là:

“**Án – Niết_lý trà, đề sắt_xá, bát_ná_ma**”

ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ)

* OM – DRDHA TIṢṬA PADMA

_ Các Như Lai hiện ở Hư không.
 Điều vào Giác Hoa làm một thể
 Nên biết Đẳng đồng với Chư Phật.
 Bồ Đề Kiên Cố, Thệ nguyện đến
 Chân Ngôn là:

“Án – Bát ná_ma, đát_ma cú hàm, Tam ma dụ hàm, ma ha Tam ma dụ hàm, tát phộc đát tha nghiệt đa tỳ tam mạo đề, bát ná_ma, đát_ma cú hàm”

ॐ पद्मपद्मे नमः पद्मपद्मे नमः पद्मपद्मे नमः सर्व कर्मण्यो नमः ॐ पद्मपद्मे नमः

* OM – PADMA ATMAKA UHÀM – SAMAYA UHÀM – MAHÀ SAMAYA UHÀM – SARVA TATHÀGATA ABHISAM̐BODHI, PADMA ATMAKA UHÀM

_ Liên quán Diệu Liên (Sen màu nhiệm) làm Bản Tôn
 Thân Ngài Thanh Tĩnh màu vàng lục
 Ma Ni, báu diệu làm châu lạc
 Mão báu, đầu đội Vô Lượng Thọ
 Tay phải Ấn Dữ Nguyện thù thắng
 Tay trái cầm nắm hoa sen xanh.
 Trụ ở Tam Muội nơi vành trăng
 Tỏa khắp Từ Quang chiếu ba cõi
 Tiếp dùng Căn Bản Thanh Liên Ấn
 Tim, Trán, Họng, Đỉnh già Trì khắp.
 Chân Ngôn là:

“Án – Đa lị, đốt đa lị, Hồng”

ॐ नमो बुद्धे नमो बुद्धे नमो

* OM – TÀRE TUTTÀRE – HÙM

_ Tiếp kết Ấn Tự Quán Đỉnh
 Hai Vĩ (2 bàn tay) Kim Cương phộc kiên cố
 Tiến lực (2 ngón trỏ) Thiền Trí (2 ngón cái) như hình báu
 Gia Trì trên trán, buộc sau Đỉnh.



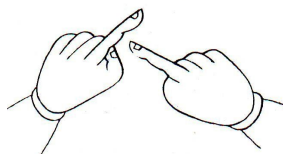
Chân Ngôn là:

“Án – phộc nhật_la la đát_na tỳ tru giả hàm – tát phộc mẩu nại_la mê – Niết_lị câu cú lỗ, phộc la ca phộc chế ná hàm”

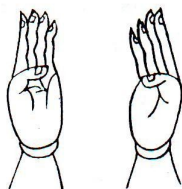
ॐ पद्मवज्ररत्नअभिषेकमं सर्व सुखं मृदु कुरु कुरु वज्र कवचं ॐ

* OM – VAJRA RATNA ABHISIM̐CA MÀM – SARVA MUDRA ME DR̐DHA KURU, VAJRA KAVACENA VÀM

_ Hai tay như rữ giải hoa man (Tràng hoa)
 Liên tự mặc áo giáp Kiên cố
 Kết Kim Cương Quyền duỗi Tiến Lực (2 ngón trở)
 Tưởng chữ Ấn (ॐ : ngón trở phải) Châm (ॐ : ngón trở trái) trên mặt ngón



Tim, lưng, rốn, eo với hai gối
 Họng, trán, sau đỉnh đều ba vòng
 Đàn Tuệ (2 ngón út) buông trước, rữ Thiên Y (áo khoác ngoài)
 Liên hay bền chắc không lay động.
 Nên dùng hay vũ (2 bàn tay) vỗ ba lần
 Đây là Nghi Ấn Liên Hoa Hỷ.



Chân Ngôn là:
“Ấn – Bát ná_ma, đố sử dã, cốc”
 ॐ पद्म तुष्य ह्रीं
 * OM – PADMA TUṢYA HOH

_ Tiếp nên nghiêm tịnh Quốc Thổ Phật.
 Vì muốn phụng sự các Như Lai.
 Đế Quán (chân thật quan sát) biển nước thơm vô tận.
 Trên Sen Diệu, giữ HOA TẠNG GIỚI
 Điện báu Ma Ni dùng trang nghiêm.
 Vượt hơn vật cúng diệu của Trời
 Hư không Chư Thiên là Thứ Năm
 Ước muốn đều từ Hư không đến
 Tâm vui cúng dường các thánh chúng
 Nguyện khiến như ý, viên mãn khắp.
 Dùng chân thật này Gia Trì xong
 Nên kết Nghi Kim Cương chưởng.



Chân Ngôn là:
“Ấn – Nga nga năng, Tam bà phộc, phộc nhật_la, cốc”
 ॐ त्रितयं संनतं त्रयं ॐ

* OM GAGANA SAMBHAVA VAJRA HOH

_ Đất báu trang nghiêm trên tòa sen

Đốt-lượng tự môn (卐 Tràm) thành Bản Tôn.

Phóng hào quang tịnh hơn Nhật Nguyệt

Quyển thuộc Liên Hoa đều quay quanh.

Tiếp dùng phương tiện Mật Thỉnh Triệu

Triệu Tập Tôn Thân vào Trí Thể

Hai cánh Định Tuệ (2 bàn tay) buộc bền chắc

Tiến Lực (2 ngón trở) đều co như móc câu



Chân Ngôn là:

“**Ấn – Bát ná_mang, câu xá, ca li_sái gia, ma ha bát ná_ma, câu lan, ha dã hật_li phộc, tam ma diễm, Hồng nhược**”

ॐ पद्म कुण्डलक्षय मङ्गल पद्म कुण्डलक्षय मङ्गल ॐ

*) OM – PADMA ANKU'SA AKARŞAYA – MAHÀ PADMA KURU HAYAGRÌVA – SAMAYAM HÙM JAH.

_ Tiếp kết Đại Ấn **Liên Hoa Sách**

Liên Hoa Trí (ngón cái trái) vào trong Tiến Thiện (ngón trở phải, ngón cái phải)

Dùng Mật Ấn này với Chân Ngôn

Triệu Thỉnh Bản Tôn hay dẫn vào.



Chân Ngôn là:

“**Ấn – A mục già bá xả, cú lỗ đà, tam ma duệ, bát_la phệ xá, bát la phệ xá gia – Tát phộc tam ma diễm - Hồng**”

ॐ अमृग पक्षि कुण्डलक्षय मङ्गल पद्म कुण्डलक्षय मङ्गल ॐ

*) OM – AMOGHA PÀ'SA KRODHA SAMAYE – PRAVE'SA. PRAVE'SÀYA – SARVA SAMAYAM – HÙM.

_ Tiếp kết tay hoa làm **Tỏa Ấn**

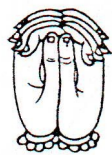
Tiến Lực (2 ngón trở) Thiện Trí (2 ngón cái) đều móc kết

Dùng Liên Hoa Chỉ Lưu Ấn này

Hay Khiến Bản Tôn Trụ bền chắc.

Dùng **Liên Hoa Hỷ Hý** này nên.

Hay mẫn **Đàn Na Ba La Mật** (Dàna-pàramità – Bồ Thí Độ)



Chân Ngôn là :

”**Ān_ Bát ná-ma, la đê, bố nhi duệ, cốc “**

ॐ अक्षरं रति पुण्ये ह्यः

OM_ PADMA RATI PUṆYE HAḤ

_ Tiếp kết Mật Ấn **Liên Hoa Man**

Liên Hoa Chưởng trước duỗi cánh tay

Do hiến Hoa Man cúng dường nên

Sẽ mẫn **Tịnh Giới Ba La Mật** (Sīla-pàramità)



Chân Ngôn là:

”**Ān – Bát ná_ma, Bật sái ca, bố nhi duệ, đát_la tra”**

ॐ अक्षरं पुष्प पुण्ये त्रः

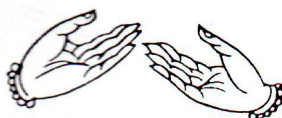
OM_ PADMA PUṢPA PUṆYE TRAT

_ Do kết Ấn **Liên Hoa Ca Vịnh**

Hoa Chưởng từ rốn đến miệng buông

Hiến Như Lai Diệu Pháp Âm này

Hay mẫn **An Nhẫn Ba La Mật** (Kṣānti-pàramità)



Chân Ngôn là :

” **Ān_ Bát ná-ma , nghĩ đa, bố nhi duệ, nghi “**

ॐ अक्षरं गिता पुण्ये गिः

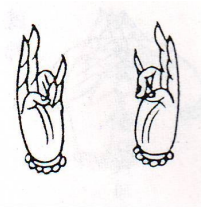
* OM – PADMA GĪTA PUṆYE – GĪH

_ Tiếp kết **Liên Hoa Vũ** cúng dường

Hoa chưởng chuyển múa đặt trên đỉnh

Do Mật Ấn này và chân ngôn.

Mau đủ **Tinh Tiến Ba La Mật** (Vīrya-pàramità)



Chân Ngôn là:

“**Án – Bát ná_ma, Niết_lị_đề_dã, bố_nhi_duệ, ngật_lị_tra**”

ॐ ५ ५ ५ ५ ५ ५ ५

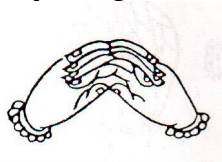
* OM – PADMA NR̥TYE PUN̥YE – KR̥Ṭ

_ Tiếp Kết **Ấn Liên Hoa Phần Hương**

Hoa chưởng buông xuống như đốt hương

Do uy lực của Ấn phần Hương

Sẽ chứng **Tĩnh lự Ba La Mật** (Dhyàna-pàramità)



Chân Ngôn là:

“**Án – Độ ba bát ná_nhĩ_nễ - Hông**”

ॐ ५ ५ ५ ५ ५ ५ ५

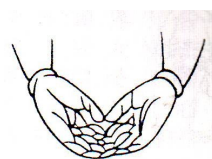
* OM_ DHÙPA PADMINI – HÙM

_ Tiếp Kết **Liên Hoa Hoa cúng dường.**

Hoa chưởng dâng lên như hiến hoa.

Do hiến hoa màu nhiệm trang nghiêm

Mau chứng **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajña-pàramità)



Chân Ngôn là:

“**Án – Bát ná_ma, mẫu_sắt_tri - Hông**”

ॐ ५ ५ ५ ५ ५ ५ ५

* OM – PADMA MUṢṬI HÙM

_ Tiếp Kết **Ấn Liên Hoa Đăng Minh**

Thiền Trí (2 ngón cái) che trước tay Hoa Sen (Liên Hoa Thủ)

Dùng Đăng Minh cúng dường này nên

Sẽ mãn **Phương Tiện Ba La Mật** (Upàya-pàramità)



Chân Ngôn là:

“**Án – Bát ná_ma, cú la – Trục nại li, đạt ma lỗ kế, bố nhi duệ, bố nhạ da, Hồng**”

ॐ अक्ष कुल मुद्रि धर्म लोके पुण्ये पुजाया हूं

* OM – PADMA KULA MUDRI – DHARMA ÀLOKE PUNYE PÙJÀYA – HÙM

_ Tiếp kết **Ấn Liên Hoa Đồ Hương**.
Bung chưởng trên Tim như xoa hương.
Dùng Nghi Mật **Ấn Chân Ngôn** này
Hay mẫn **Thệ Nguyệt Ba La Mật** (Pranidhāṇa-pàramità)



Chân Ngôn là:

“**Án – Bát ná_ma, nghiên đề, Hồng**”

ॐ अक्ष गंधे हूं

* OM – PADMA GANDHE – HÙM

_ Tiếp Kết **Bản Tôn Căn Bản Ấn**
Dùng Ấn Gia Trì trên tim mình
Hai vũ (2 bàn tay) Trí Quyền cùng ngược lóng
Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiền Trí (2 ngón cái) dựng hợp nhau.



Chân Ngôn là:

“**Án – Bát ná_ma, đa lê, hồng**”

ॐ अक्ष तरे हूं

OM_ PADMA TÀRE HÙM

_ Tiếp kết **Bát Không Đa La Tâm**
Đem Ấn gia trì ở trên đỉnh
Theo tướng Căn Bản Mật Ấn trước
Sửa dựng Đàn Tuệ (2 ngón út) khiến dính nhau
Chân Ngôn là :

” **Án_ Vĩ bỏ la, đa lê, hồng** “

ॐ अस्व ग्ले हूं

OM_ VIPULA TÀRE HÙM

_ Tiếp kết Bản Tôn **Bảo Quan** (Mão báu) **Ấn**
Đem Đại Ấn này đặt trên đỉnh
Theo Tâm Ấn trước dựng Nhãn Nguyệt (2 ngón giữa)
Tiến Lực (2 ngón trỏ) co tránh lưng hai Độ (2 ngón giữa)



Chân Ngôn là :

” **Ấn_ Bát- la tát la, đa lê, hồng** “

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

* OM – PRASARA TÀRE – HÙM

_ Tiếp kết **Chân Thật Gia Trì Ấn**
Dùng dây hay Triệu Thỉnh Tất Cả
Theo Ấn Bảo Quan Quán Đỉnh trước
Chỉ đưa Tinh Tiến độ (ngón trỏ phải) qua lại



Chân Ngôn là:

“ **Ấn – A mộ già, đa lê, Hồng** ”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

* OM_ AMOGHA TÀRE – HÙM

_ Tiếp kết **Tôi Hoại Chư Ma Ấn**
Dùng dây hay phục kẻ khó phục
Theo Ấn Quán đỉnh Bảo Quan trước
Duỗi thẳng Lực Độ (ngón trỏ trái) xoay bên phải
Chân Ngôn là:

“ **Ấn – Tam ma già, đa lê, Hồng** ”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

* OM_ SAMAYA TÀRE HÙM

_ Tiếp dùng Tự Môn bày trên Thân
Chữ **Ấn** (ॐ) trên đỉnh, **Đá** (ॐ) trên trán
Chữ **Lê** (ॐ) hai mắt, **Đốt** (ॐ) hai vai

Chữ **Đá** (𑖩) ngang tim, **Lê** (𑖓) ngay rốn
 Chữ **Đốt** (𑖛) hai gối, **Lê** (𑖓) hai bắp chân
Tát phộc (𑖛) chân trái, **Ha** (𑖛) chân phải.
 Bốn Minh dẫn Tôn vào thân mình
 Dùng gia trì này, không hai Thế
Nên kết Thanh Liên Căn Bản Ấn
 Xưng tụng Liên Hoa Bách Tự Minh
 Hai vũ Định Tuệ (2 bàn tay) cài chéo trong
 Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiên Trí (2 ngón cái) dựng dính nhau



Chân Ngôn là:

“**Án – Bát ná_ma, tát đất phộc, Tam ma gia – Ma nỗ bá la gia – Bát ná_ma , tát đất-phộc – Đất vĩ nỗ ba để sắt_tra – Niết_li noa_hộ, mị bà phộc – Tổ đồ sử dụ, mị bà phộc – A nỗ la ngật_đỗ, mị bà phộc – Tổ bổ sử dụ, mị bà phộc – tát phộc tát địa, mị bát_la – địa sai – tát phộc yết ma tổ giả mị – chất đa thất_lệ dước – cú lỗ, hồng – ha ha ha ha. Cốc – bạc già phạm – tát phộc đất tha nghiệt đa – bát ná_ma – ma mị muộn già – Bát ná mị bà phộc – ma ha Tam ma gia Tát đất_phộc – Hột_li**”

ॐ पद्मसत्त्व समयमवृत्तय पद्मसत्त्व वृत्तपत्रपु वृत्त मन्त्र
 सुगन्ध मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र
 मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र
 मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र

* OM – PADMASATVA SAMAYAM – ANUPÀLAYA – PADMASATVA TVENA UPATIṢṬA – DR̥DHO ME BHAVA – SUTOṢYO ME BHAVA – ANURAKTO ME BHAVA – SUPOṢYO ME BHAVA – SARVA SIDDHIM ME PRAYACCHA – SARVA KARMA SU CA ME CITTAM ‘SRÌYAM KURU HUM – HA HA HA HA HOḤ – BHAGAVAM – SARVA TATHÀGATA PADMA MÀ ME MUṢCA – PADMÌ BHAVA – MAHÀ SAMAYASATVA – HRÌḤ

Xưng tụng Chân Ngôn trăm chữ xong
 Chẳng giải Ấn trước, niệm Bản Minh.
 Chân Ngôn là:

“**Ná mô la đất_na đất_la dạ dã – Ná mạc A li_dã phộc lỗ chỉ đế, thất_phộc la gia, mạo địa tát đất_phộc gia, ma ha tát đất_phộc gia, ma ha ca lỗ ni ca gia – Đất nề_dã tha: Án – Đa lê, đốt đá lê, đốt lê, Tát_phộc ha**”

नमो रत्नत्रयै
 नमः सुवर्णवक्रैर्नमो रत्नैः प्रदत्तसुखं मन्त्रसुखं मन्त्रं कुरुते
 नमो ॐ नमो सुवर्ण सुवर्ण सुवर्ण सुवर्ण

* NAMO RATNA TRAYÀYA

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA, MAHÀ
SATTVÀYA MAHÀ KÀRUṆIKÀYA.

TADYATHÀ: OM – TÀRE TUTTÀRE TURE – SVÀHÀ

Lại dùng chân ngôn Gia trì châu (Tràng hạt)

Nâng lên đỉnh đội, ngang tim, niệm

Chân Ngôn là :

” **Án_ Phộc nhật-la, bá vĩ đát-la , tam ma gia, hồng** “

ॐ वज्र पवित्र समय हूं

OM_ VAJRA PAVITRA SAMAYA HÙM

Tiếp trì số hạn kết thúc xong

Lại hiến Át Già tụng Diệu Tán

Đặt bày tám Cúng, phát nguyện xong

Giải Giới tướng Tôn về Bản Cung

Kết Liên Hoa Tam Muội Gia trước

Trên đỉnh bung Hoa, lễ dưới chân



Chân Ngôn là:

”**Án – Ngật lệ đồ phộc, tát phộc tát đát phộc lật thác – tất địa nại đa – dã
tha nỗ nga – nghiệt sai đặc noan – một đà vi sái diễm – Bồ na la nga – ma na
dã đô – Án – Bát na_ma, tát đát_phộc, mục**”

ॐ ऋषभः सर्वसत्त्व (सर्वसत्त्व अर्थसत्त्वकं वदन्निष्यं पुनरु
त्सत्त्वसुं पश्चसत्त्व सुः

* OM – KRTOVAḤ – SARVA SATVA ARTHA – SIDDHIRDATTÀ YATHA
ANUGÀGACCHADHVAM – BUDDHA VIṢAYAM – PUNARÀGA MANÀYATU
– OM – PADMASATVA – MUḤ

Dùng dây Phụng Tống Bản Tôn xong

Gia Trì Quán đỉnh, mặc giáp trụ

Kiên Trú **Bản Tôn Tam Ma Địa**

Tự Ý ngưng nghỉ hoặc **Kinh Hành** (Caṅkramana)

Lại nên chuyển Địa **Ma Ha Diễm** (Mahà yàna – Đại Thừa)

Thường khiến Tịnh Nghiệp chẳng gián đoạn

Sẽ được **Đa La** (Tàrà) hiện trước mặt

Thắng Nguyện mong cầu đều Viên mãn

Đời này được vào **HOAN HÝ ĐỊA** (Pramidità-bhùmi)

Mười sáu đời sau thành **Bồ Đề** (Bodhi)

KIM CƯƠNG ĐỈNH ĐA LA BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP (Hết)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 16/05/2011

Vạn Tự Tục Tạng Kinh _ Tập 59 _ No.1054

LIÊN HOA BỘ ĐA LỢI TÂM BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP

Hán văn: Nam Thiên Trúc Tam Tạng **BẠT CHIẾT LA BỒ ĐỀ** (Vajra-bodhi)
tập soạn

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Ngài Tam Tạng của Nam Thiên Trúc là **Bạt Chiết La Bồ Đề** (Vajra-bodhi: Kim Cương Trí) đã góp nhặt rồi biên soạn **Khu Yếu Niệm Tụng Môn**. Trong đó ý muốn khéo thành **Đa Lợi Tâm Bồ Tát** cũng thông tất cả các Bộ. Nếu dùng Bộ khác thời nên theo bậc **Minh Pháp** (Hiểu rõ Pháp), gần gũi hỏi han, quyết lược bỏ định liệu **Minh Chú Ấn**, các thứ tự khác, đừng nên thêm bớt

Pháp Môn này kết hợp với Pháp Môn của các Kinh và Du Già Môn tạo thành. Vì người sơ tâm cầu giải thoát đều được địa vị, cho nên tu tập thành tựu Hạnh đó

Người tu Môn này. Trước tiên nên vào **Đại Tam Muội Gia Đàn** (Mahà-samaya-maṇḍala), thọ **Bồ Tát Giới** (Bodhisatva-vinaya), hành **Bồ Tát Hạnh** (Bodhisatva-caryà), khởi ý **Đại Bi** (Mahà-kàruṇa), buông bỏ tiền tài thân mệnh, làm lợi ích cho Hữu Tình. Chuyên tâm mong cầu kính ngưỡng **Phật Bồ Đề**, chẳng dính tham giận, siêng năng dũng mãnh nhiếp Tâm chẳng loạn, **Từ Bi Hỷ Xả** luôn không tạm ngưng, Tâm thường phát Nguyện thủy đều khiến cho vô biên chúng sinh vượt qua bờ kia.

Người hành Pháp này, bên trong bên ngoài của thân mình trong sạch, khiến thật nghiêm khiết. Ở chỗ của các bậc trưởng túc, hoà thượng, **A Xà Lê** (Àcàrye)...thường nên tôn trọng, tâm không có nịnh hót quanh co (xiểm khúc), nói năng thành thật, chẳng trái ngược với Tín Mệnh, tùy phần hành **bố thí** (Dàna), đừng tham dính tài thí, Tâm không gián đoạn nơi bốn uy nghi đừng để khuyết dứt, thường tu **Phạm Hạnh** (Brahma-caryà), đừng nghĩ đến sắc dục, buông thả phóng túng với các việc mua bán.

Như vậy khoảng giữa, mỗi một sát na thời phần, lắng niệm chân thật nhìn các **Hành** đều **Vô Thường**. Lược nói là: "*Tất cả các Pháp giống như hình tượng trong gương*". Đã biết điều đó xong, cần phải mặc áo giáp tinh tiến, phá hoại quân phiền não, trì Minh Chú, nghiệm phá tận lưới mê, ra khỏi biển hư vọng của Sinh Tử đến Bồ Đề Trường ngồi trên toà Kim Cương, quyết định tâm của mình đừng khiến thoái chuyển.

Người tác ý như vậy mới nên tu tập Pháp Môn tối thắng trong **Đại Thừa Giới Tạng** này. Chính vì thế cho nên Ta theo thứ tự nói:

Người muốn niệm tụng, trước tiên làm sạch đất. Pháp làm sạch đất là: Chọn lựa đất ấy hoặc rộng bốn khuỷu tay, tám khuỷu tay, mười một khuỷu tay, mười sáu khuỷu tay... ở trong lượng ấy tùy theo sức mà chọn. Xong đào sâu xuống đến đầu gối, hoặc sâu một khuỷu tay. Lựa bỏ trùng, kiến với các nhóm vật uestác thuộc nhóm các ngói, đá vụn, tóc, xương, tro, than, vỏ trấu, hạt lúa lép, gai góc, gốc cây.... Lấy đất sạch lấp đầy rồi nện chặt cho thật bằng phẳng. Xong, nên ở bên trên dựng Diêu Tịnh Xá, xoa tô cái thất ấy. Thoạt tiên định phương hướng

Nếu người cầu Pháp **Trừ Tai** thì thất ấy nên mở cửa Nam, ngồi hướng mặt về phương Bắc. Lúc ngồi thời giao hai ống chân.

Nếu người cầu Pháp **Tăng Ích**. Nên mở cửa Tây, ngồi hướng mặt về phương Đông, ngồi theo thế Kiết Già

Nếu người làm Pháp **Sân Nộ**. Nên mở cửa Bắc, ngồi hướng mặt về phương Nam, ngồi xỏm, hai bàn chân, bên trái đè bên phải.

Nếu người làm Pháp **Bằng Hữu Tương Thân**. Nên mở cửa Đông, ngồi hướng mặt về phương Tây, kèm hai ống chân, dựng mở hai đầu gối.

Đây gọi là làm Tịnh Xá với ý cầu việc. Chú Sư ngồi, khởi kết Ấn, làm Pháp. Đã lược nói xong.

Nếu trước tiên có Tịnh Thất, hoặc ở đất ở ngoài đồng trống, hoặc ngay trên nhóm đá, núi... chỉ làm Đàn ấy cũng được, tùy theo việc mong cầu, y như Pháp làm ất được tùy nguyện.

Thất ấy, trước tiên dùng nơi có xoa bôi tô điểm. Liền lấy Chú sau mà chú, sau đó mới dựng.

Nếu muốn làm sạch đất ấy thì lau quét khiến cho trong sạch.



Lúc mới lau quét thời nên tụng Chú này. Chú là:

"**An, ha la ha la, la nho, yết la, ha la noa gia, toa ha**"

ॐ नमो नमो नमो नमो नमो नमो नमो

OM _ HARA HARA RAJA-UGRA AHARANYA _ SVÀHÀ

Tụng ba biến rồi lau quét.

Lau quét xong, lúc trừ bên trên thời lại tụng Chú sau là:

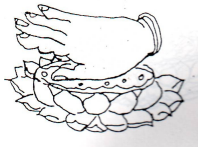
"**Án (1) thuế đề, ma ha thuế đề (2) thú đạt nễ (3) toa ha**"

ॐ सुद्धे महे सुद्धे षोडशे सुद्धे

OM _ 'SUDDHE MAHÀ-'SUDDHE 'SODHANE _ SVÀHÀ

Tụng Chú xong, trừ bên trên đó.

Lúc dùng phân bò xoa tô Đàn thời Chú là:



"**Án (1) yết la lệ (2) ma ha yết la lệ (3) toa ha**"

ॐ कराले महे कराले सुद्धे

OM _ KARÀLE MAHÀ-KARÀLE _ SVÀHÀ

Tụng Chú đó dùng xoa bôi đất của Đàn.

Tẩy rửa vật khí cúng dường với vật khí chứa nước thơm. Chú là:

"**Na mô tất đễ lý na (1) trụ phì ca nam, tát bà đát tha yết đa nam (2) Án (3) vĩ la nhĩ vĩ la nhĩ (4) ma ha bạt chiết lý, tát đa tát đa (5) tát la để tát la để, đa la duệ đa la duệ (6) tử đà ma nễ (7) tam bạn xà nễ (8) đa la ma để (9) tất đà (10) yết lý, để lý diệm (11) toa ha**"

ॐ नमो श्रियैः कुरुते सर्वं तत्र तत्र नमः

ॐ विष्णवे विष्णवे महावज्राय नमः नमः स्रग्विमये शिवशिवे
विष्णवे संनमये नमः (सहस्रं ॐ सुद्धे

NAMAḤ STRIYA-DHVIKANÀM SARVA TATHÀGATANÀM

OM VIRAJI VIRAJI , MAHÀ CAKRA VAJRI , SATA SATA , SARATE SARATE, TRAYI TRAYI , VIDHAMANI SAMBHAMJANI TRAMATI, SIDDHA AGRI TRÀM SVÀHÀ

Tụng Chú đó ba biến xong, tẩy rửa các vật cúng. Sở dĩ tụng Chú này vì muốn Tịnh Trì tội lỗi phạm **Tam Muội Gia Pháp**, tất cả xúc ược.

Nếu vật khí chứa thức ăn với hương hoa, vật cúng dường...mà chưa cúng dường, khoảng giữa gom chung lại để ở một chỗ sạch sẽ, tụng **Minh Chú** này kết Ấn phòng hộ.



Chú là:

"**Án (1) thủy khư lý (2) bạt chiết lý (3) hàm**"

ॐ अथर्व वृक्षे ङ

OM 'SIKHIRA VAJRI AM

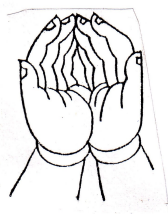
Kết Ấn xong, tay phải đem ba ngón từ ngón giữa trở xuống, nắm ngón cái làm Quyền, dựng thẳng ngón trở, liền thành.



Đem Ấn này ấn bên trên các vật, chuyển theo bên phải khua múa dùng để phòng hộ tất cả vật của nhóm hương, hoa, đèn, hương xoa bôi với thức ăn uống

Sau đó người làm Pháp đi đến nơi muốn tác Pháp đó thời hoặc tự mình làm, hoặc khiến đệ tử làm, đều được. Nếu muốn kết Ấn thời trước tiên nên kết **Tam Muội Gia Ấn** xong, sau đó mới được kết các Ấn Tam Muội Tướng.

Thứ nhất là **Phật Tam Muội Gia Ấn** : Hai tay kèm bên cạnh thân tướng dính nhau, như thường bụm vật. Đem đầu ngón trở phụ ở vạch bên trên của ngón giữa, tiếp đem đầu ngón cái phụ ở vạch bên dưới của ngón trở liền thành Ấn đó.



Chú là:

"Ấn (1) đát tha yết đố (2) nạp bà ba gia (3) toa ha"

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

OM _ TATHAGATA UDBHAVAYA _ SVÀHÀ

Tụng Chú này xong, nâng Ấn an trên đỉnh đầu, nên tác tướng là: "*Ấn này tức là thân Phật*"

Tiếp nói **Liên Hoa Tam Muội Gia Ấn**. Đem hai cổ tay cùng dính nhau, dựng hai bàn tay, bung mở mười ngón tay, hai ngón cái kèm dính nhau, hai ngón út cũng vậy, liền thành.



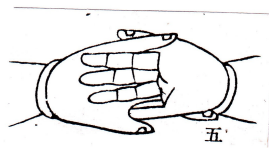
Nâng Ấn này để trên đỉnh đầu như tướng sát bên phải. Nên tác tướng này: "*Ấn này tức là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát*". Liền nói Chú là:

"Ấn (1) bát đầu mâu (2) nạp bà ba gia (3) toa ha

ॐ पद्म उद्भवया स्वहा

OM PADMA UDBHAVAYA SVÀHÀ

Tiếp nói **Kim Cương Tam Muội Gia Ấn**. Hai tay, bên phải đè bên trái. Tức ngón út phải cài chéo với ngón cái trái, ngón cái phải cài chéo với ngón út trái, liền thành.



Chú là:

"**Ấn (1) bạt chiết lô (2) nạp bà ba gia (3) toa ha**"

ॐ वज्रक्रोधाया स्वहा

OM VAJRA UDBHAVÀYA SVÀHÀ

Nâng Ấn này an trên đỉnh đầu như tướng sát bên trái, tưởng làm Kim Cương.

Tác ba **Tam Muội Gia Ấn** xong, sau đó mới có thể kết tất cả các Ấn. Nên tuân theo ba **Bộ Chú Vương Bí Tạng**, nên y theo Pháp đó hành dụng. Đã nói xong điều cần thiết.

Phàm người tu hành, lúc sáng sớm, mới thức dậy, chưa có làm gì. Muốn đi ra, nên làm Pháp này, sau đó ra vào. Trước tiên nên kết Ấn, niệm Minh Chú xong, sau đó mới đi. **Minh Chú** đó là:

"**Nam mâu la đất na đất la gia dạ (1) Na mô thủy chiêm đồ bạt chiết la ba noa duệ (2) ma ha được xoa, tê na ba đa duệ (3) Na mô bạt chiết la câu lô đà gia (4) dặng sắt đổ lô gia tra, bội dị la ba gia (5) Đất địa tha (6) Ấn (7) a mật lý đa quân đồ lý (8) khư khư (9) khư hề khư hề (10) để sắt đà, để sắt xá (11) bạn đà bạn đà (12) ha na ha na (13) yết xà yết xà (14) tỳ tất bố tra gia, tỳ tất bố tra gia (15) tát bà tỳ cận na, tỳ na dạ ca, ma ha già na bạt đề (16) thị tử đan đa yết la na (17) hồng phán (18) toa ha**"

ॐ नमो रत्नत्रयाय
 नमो शिवाय वज्रपत्याय मनो धर्म संपत्तये
 नमो वज्र क्रोधाया संक्रोधाया क्रोधाया
 नमो अत्र उं शृंगारकुण्डले शरणा शरणाशरणं शृंगार वज्रवज्रं न
 नमो गणेशाय विश्वेश्वर्यै विश्वेश्वर्यै सर्व विश्वेश्वर्यै मनो गण
 पते शरणाशरणं नमो सर्वेश्वर्यै

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMO 'SCAṆḌA VAJRAPÀṆÀYE MAHÀ-YAKṢA-SENAPATAYE

NAMO VAJRA KRODHAYA DAṆṢṬRA-UDGHATA BHAIHAVAYA

TADYATHÀ: OM _ AMṚTA-KUṆḌALI _ KHAKHA KHAHI KHAHI _

TIṢṬA TIṢṬA _ BANDHA BANDHA _ HANA HANA _ GARJA GARJA_

VISPHOTA YAYA VISPHOTA YAYA _ SARVA VIGNAM VINAYÀKA MAHÀ

GAṆAPATI JIVITA ANAKARÀṆA HUM PHAT _ SVÀHÀ

Tụng Chú này xong. Hai tay đều đem ngón cái vịn trên móng ngón út, duỗi ba ngón còn lại. Liên giao hai cánh tay, bên phải đè bên trái, đều phụ trên bắp tay, liền thành.

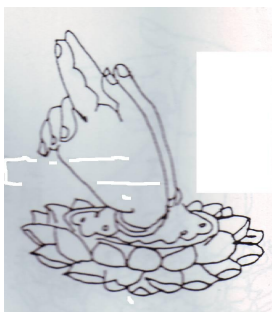


Trong Tâm nên tác tưởng, hai bàn chân đứng như chữ **Bát** (八) trương gò má cắn môi bên phải, làm dạng giận dữ, tụng Chú bảy biến. Đây gọi là **Tịch Ma** (trừ bỏ Ma, xa lánh Ma)

Nếu muốn cột trói các Quỷ Thần gây chướng ngại. Liền nâng hai bàn tay chỉ ba lần, liền cột trói các chướng. Lúc cột trói các chướng thời nên nói là: "**Bạn đà, bạn đà**" (Bandha bandha). Tác Pháp này xong, sau đó mới ra khỏi phòng.

Nếu người trì tụng lúc tắm gội thời nên lấy đất sạch, dùng lửa thiêu đốt khiến cho nóng kỹ xong, làm bụi nhỏ. Đem bụi ấy để trong một vật khí, liền thành. Dùng Ấn tụng Chú xong liền làm sạch vật dụng chứa sạch.

Tướng của Ấn đó là: Hai tay, ba ngón từ ngón trở trở xuống, bên phải đè bên trái, hướng ra ngoài cùng cài chéo nhau, kèm hợp dựng cạnh hai ngón trở, dựng hai ngón cái.



Tức Chú đó là:

"**Ấn (1) nễ khư na (2) ba tô đệ (3) toa ha**"

ॐ ऀनं वसुधै व कुर्वतु स्वयं

OM _ NIKHANA VASUDHE _ SVÀHÀ

Tụng Chú này xong, ba lần dùng Ấn tiếp chạm trên đất ấy. Khởi đầu gọi là **làm sạch**, mới có thể thọ dụng

Người trì Pháp nếu muốn đi đến các nơi, trước tiên dùng Ấn hộ thân. Ấn đó là: Hai tay đem hai ngón út, hai ngón vô danh, bên phải đè bên trái, hướng vào bên trong cài chéo nhau, dựng thẳng hai ngón giữa dính nhau, hai ngón trở phụ vạch bên trên của hai ngón giữa cùng cách nhau một phân, kèm dựng hai ngón cái vịn vạch ở giữa hai ngón trở.



Liên Chú là:

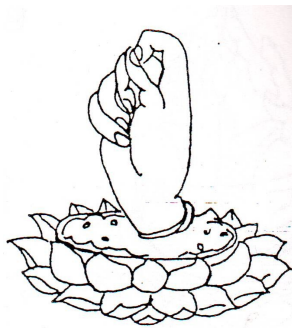
"**Án (1) bạt chiết la (2) kỳ nễ, bát la niệ m ba đa gia (3) toa ha**"

ॐ वज्र(अग्नि) प्रदीप्य स्वहा

OM _ VAJRA-AGNI PRADIPTAYA _ SVÀHÀ

Dùng Ấn này ấn ở năm chỗ: cái đầu, hai vai, trên trái tim với cổ họng. Đó gọi là Ngũ Xứ rồi mới có thể đi. Đây gọi là Pháp **Hộ Thân**

Nếu đi nhà xí thời trước tiên nên búng ngón tay ba lần để Cảnh Giác, sau đó đi.



Chú búng ngón tay (**Đàn Chỉ Chú**) là:

"**Án (1) chỉ lý, chỉ lý (2) chỉ la, lao chỉ la (3) hồng phán**"

ॐ किलिकिला राुद्रा हुं फट

OM _ KILI _ KÌLIKÌLA RAUDRA _ HÙM PHAT

Một lần tụng, một lần búng ngón tay cho đến ba lần thì mới có thể đi nhà xí.

Nếu lúc **Tẩy Tịnh** thời trong Tâm giữ niệm, tưởng Chú với hình của **Quân Trà Lợi** (Kuṇḍali) lúc trước, sau đó rửa tay xong, liền xúc miệng. Xúc miệng xong đem ấn miệng. Tay phải: co ngón giữa, ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, duỗi thẳng ngón cái, ngón trỏ, ngón út, nâng nước. Dùng ba lần xúc nhỏ.

Chú là:

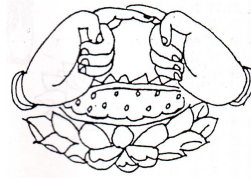
"**Án (1) trụ trụ lễ (2) câu lỗ câu lỗ (3) toa ha**"

ॐ तुतुल कुरु कुरु स्वहा

OM TUTULA KURU KURU SVÀHÀ

Dùng Ấn Chú đó, xúc nhỏ xong.

Lại tác Ấn Chú **Tịnh Trừ** nhóm Quỷ Thần gây chướng ấn hình trong thân. Hai tay đều nắm quyền, liền duỗi hai ngón trỏ, đem ngón trỏ phải để ở trong quyền trái rồi nắm lại, ngón trỏ trái đối với tay phải cũng vậy.



Chú là:

"**Ấn (1) ha na ha na (2) a mật lý đế (3) hồng phán**"

ॐ ह न ह न अ म र्ते हू हू

OM _ HANA HANA _ AMRTE _ HÙM PHAT

Tụng Chú ba biến xong, đem Ấn từ cái đầu từ từ xoa, hướng xuống dưới ba lần để hay khiến cho tất cả Ma Chướng trong thân thấy đều tiêu diệt. Tưởng biết các nhóm Ma xuất ra xong.

Lại tác **Phộc Chư Ma Ấn**, Ấn đó là **Đại Nộ Kim Cương Ấn**. Đem tay trái hướng ra ngoài nâng nhắc, liền đem tay phải lật nghiêng lưng ở trên lưng tay trái xong, đem tám ngón tay cùng cài chéo nhau. Tức bên trái lật xoay lại, hướng trên trái tim, gom thành quyền xong, kèm dựng hai ngón cái để ngang trái tim, lại để bên trong chùi chỗ phải ở trong cùi chỗ trái, hướng xuất ra ngoài. Đem Ấn an trên đầu xong, liền mở Ấn ấy từ từ hạ xuống. Chú là:

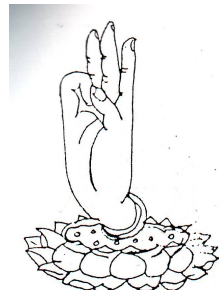
"**Ấn (1) chỉ lý chỉ lý (2) tỳ ma lao đạt la (3) bát la cật lý đế (4) ma ha câu lỗ đà (5) tỳ xã gia (6) nễ cật lan đa (7) hồng hồng (8) phán (9) bàn đà bàn đà (10) toa ha**"

ॐ क्र क्र क्र क्र म म म म प र क्र म क्र क्र क्र व व व व व व व व व व व व व

OM _ KILI KILI_ 'SÌMA RAUDRA PARAKRTE _ MAHÀ-KRODHA VIJAYA _ NIKRÀNTA _ HÙM HÙM PHAT _ BANDHA BANDHA _ SVÀHÀ

Dùng sức của Ấn Chú đó hay khiến tất cả nhóm Ma bị cột trời. Lại tưởng thân mình mặc áo giáp Kim Cương khiến cho cung Ma chấn động chẳng yên đều đến quy hàng.

Lại đem đất sạch chia làm ba phần. Lúc chia đất thời lại tác Ấn Chú xong, tay phải: đem ngón cái vịn đầu ngón út.



Liền an Ấn ở cạnh eo phải. Tay trái cũng tác Ấn này đem nước rưới vảy ở trên đất. Chú là:

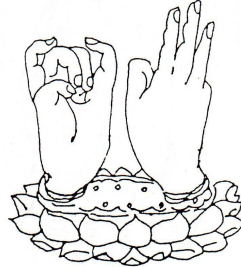
"**Ấn (1) a mật lý đề (2) hồng phán**"

ॐ अ म र्ते हू हू

OM AMRTE HÙM PHAT

Tụng Chú này ba biến xong, dùng rượu vẩy xong sau đó dùng đất.

Lại tác Pháp **Tịnh Thủy**. Tay trái: co ngón cái vào lòng bàn tay, liền co ngón giữa ngón vô danh đè trên ngón cái, tiếp co ngón trỏ ngón út như móc câu, đầu của hai ngón trỏ kèm nhau ở lưng lóng giữa của ngón giữa ngón vô danh. Tay phải đem ngón cái vịn đầu ngón út, duỗi thẳng ba ngón còn lại, dùng bàn tay chống eo, co cánh tay trái hướng ra ngoài, liền thành.



Chú là:

"**Na mâu bạt chiết la, hồng (2) ha na, độ na (2) ma tha vĩ thời phụng sa du sai la gia, hồng phán**"

ॐ नमो वाज्रहृमहा नमो धुना मथा विध्वंसया उदाराया हृमफा

NAMO VAJRA HÙM_ HANA DHUNA MATHA VIDHVAMSA YA UDSARÀYA HÙM PHAT

Tụng Chú này bảy biến, tác Ấn lúc trước, vào ở trong nước. Hoặc trong sông lớn, hoặc biển, hoặc ao... đều tác Ấn đó. Nếu dùng Chú chứa nước thời chỉ dùng Ấn đó tiếp chạm, sau đó tắm.

Vào trong nước, liền nâng bàn tay phải chưởng buông Ấn ấy, dùng khoa múa phương bên dưới với bốn phương, phương bên trên dùng để Kết Giới. Lúc khoa múa Ấn thời nên tụng Chú này. Chú là:

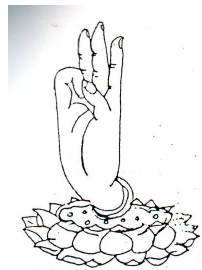
"**Om (1) thương yết lý (2) tam muội duệ (3) toa ha**"

ॐ ह्रीं क्लीं त्रिसुवै स्वहा

OM 'SAMKARE SAMAYE SVÀHÀ

Tụng Chú đó ba biến, dùng khoa múa kết Giới xong, liền thành bờ mé của Giới

Lại nếu lúc dùng đất sạch thời dùng tay phải: đem ngón cái vịn đầu ngón út, duỗi thẳng ba ngón còn lại, đem nước rượu vẩy trên đất với trên nhóm Táo Đậu dùng.



Chú là:

"**Án (1) chỉ lý chỉ lý (2) bạt chiết la (3) hồng phán**"

ॐ 𑖀𑖃𑖀𑖃𑖃𑖃 𑖀𑖃𑖃 𑖃𑖃

OM _ KÌLIKÌLA VAJRA _ HÙM PHAT

Lại nữa **Tịnh Thủy Ấn**. Hai tay, ba ngón từ ngón trở trở xuống hướng vào bên trong cùng cài chéo nhau, co đầu hai ngón trở cùng trụ nhau, như vật hơi tròn, kèm dựng hai ngón cái.



Chú là:

"**Án (1) ha na, bạt chiết la (2) bạt chiết lý noa, ha**"

ॐ 𑖃𑖃 𑖃𑖃 𑖀𑖃𑖃 𑖀𑖃𑖃𑖃 𑖃

OM HANA VAJRA VAJREṆA HÀ

Tụng Chú trên ba biển xong. Ở bên trong nước, quấy nhiều hay khiến cho tất cả loài Cá, Rồng với các trùng độc và các nhóm chướng trong nước chẳng thể gây hại.

Lại nếu dùng nhóm Táo Đậu, muốn mở xoa thân thể thời nên dùng tay phải: đem ngón giữa, ngón vô danh co song song vào lòng bàn tay. Đem ngón cái vịn trên móng hai ngón ấy, duỗi thẳng ngón trở ngón út.



Nhóm Táo Đậu, tro, đất phải dùng kèm an trong lòng bàn tay. Trước tiên dùng xoa đầu, nếu tẩy rửa phần bên trên thời Chú là:

"**Án (1) a mật lý đế (2) hồng phán**"

ॐ 𑖀𑖃𑖃𑖃 𑖃𑖃 𑖃𑖃

OM AMṚTE HÙM PHAT

Tiếp tẩy rửa phần bên dưới của thân thời Chú là:

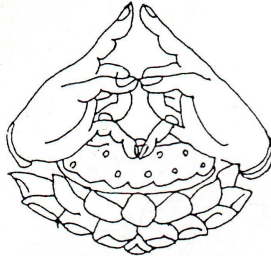
"**Án (1) bộ (2) thập ba la (3) hồng**"

ॐ 𑖃𑖃 𑖃𑖃𑖃 𑖃

OM BHÙR JVALA HÙM

Tiếp nếu tẩy rửa phần bên dưới của thân xong. Lại dùng Ấn Chú xúc miệng lúc trước tẩy sạch rồi mới tiếp chạm cái đầu.... Khi tắm rửa xong thời rửa sạch bàn

tay, xúc miệng... cũng làm giống như vậy. Tắm xong, liền dùng **Quân Đồ Lợi Giáp Trụ** dùng khoác mặc nơi thân. Pháp đó nên dùng hai tay: co ngón giữa ngón vô danh vào lòng bàn tay, liền đem ngón cái vịn trên móng của hai ngón ấy, lưng lóng giữa của ngón giữa ngón vô danh dính nhau. Hai ngón trở, hai ngón út trụ nhau liền thành.



Chú là:

"Nam mâu la đất na đất la gia dạ (1) Na mô thủy chiên đồ (2) bạt chiết la ba noa duệ (3) ma ha dược xoa, tê na ba đa duệ (4) Na mô bạt chiết la câu lô đà gia (5) bát la thập phộc lý đa niệp ba đa (6) đặng sắt đồ lô yết tra, bội la ba gia (7) a tư mẫu bà la (8) bạt chiết la, ba la du ba xá ha bà đa gia (9) Đất địa tha (10) Án (11) a mật lý đa quân đồ lợi (12) khứ khứ khứ khứ (13) khứ na, khứ na, khứ na, khứ na (14) khứ đà, khứ đà, khứ đà, khứ đà (15) khứ hề, khứ hề, khứ hề, khứ hề (16) đế sắt đà, đế sắt xá (17) đà ha đà ha (18) ba già, ba già (19) ngư lỗ ha na, ngư lỗ ha na, ngư lỗ ha na (20) bàn đà bàn đà (21) yết xà yết xà (22) tỳ tất bố tra gia, tỳ tất bố tra gia (23) bà già bàn, a mật lý đa, quân đồ lợi (24) mẫu lật đạt na đa xà gia (25) bạt chiết lợi noa, tát bà tỳ cận na, tỳ na dạ ca, nễ bà la (26) ma ha già na bà đế, thị tỷ đan đa ca la (27) hồng hồng (28) phán phán"

ॐ नमो रत्नत्रयये
 नमो शिखे वज्रपत्नये मह्ये यक्षे सनपतये
 नमो वज्रे क्रोधये प्रज्ज्वलिते दिप्ते दाम्पत्रा-
 उदघाते भैरवये अस्मि मुसारा वज्रे परासु पार्शा
 हस्तये तद्यथा ॐ अमृताकुण्डलिं खक्खा खक्खा खाना
 खाना खाना खाना खाना खाना खाना खाना खाना
 खाना खाना खाना खाना खाना खाना खाना खाना
 खाना खाना खाना खाना खाना खाना खाना खाना
 खाना खाना खाना खाना खाना खाना खाना खाना
 खाना खाना खाना खाना खाना खाना खाना खाना
 खाना खाना खाना खाना खाना खाना खाना खाना

NAMO RATNATRAYAYA
 NAMO 'SCAṆḌA VAJRAPAṆĀYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATAYE
 NAMO VAJRA KRODHAYA PRAJVALITĀ-DĪPTA DAMṢṬRA-
 UDGHAṬA BHĀIRAVAYA _ ASI MUSARA _ VAJRA PARA'SŪ PĀ'SA
 HASTĀYA
 TADYATHĀ: OM _ AMṚTA-KUṆḌALI _ KHAKHA KHAKHA_ KHANA
 KHANA KHANA KHANA_ KHADA KHADA KHADA KHADA_ KHAHI
 KHAHI KHAHI KHAHI _ TIṢṬA TIṢṬA _ BANDHA BANDHA _ DAHA
 DAHA_ PACA PACA_ GRHṆA GRHṆA_ HANA HANA_ GARJA GARJA_
 VISPHOṬAYA VISPHOṬAYA _ BHAGAVAM AMṚTA-KUṆḌALI _

MÙRDHANATÀ JAYA_ VAJRINI SARVA VIGHNAM VINAYÀKA
NIVARAYA_ MAHÀ GAṆAPATI JIVITA ANTAKARÀṆA HÙM HÙM _
PHAT PHAT

Tụng Chú này bảy biến xong, dùng Ấn quán quanh thân, cột buộc. Tưởng thân mặc áo giáp.

Lại dùng Chú đó chú vào nước, rưới rót đỉnh đầu (quán đỉnh). **Quán Đỉnh Ấn** là: Hai tay: đem hai ngón út hướng vào bên trong, bên phải đè bên trái, cùng cái chéo nhau; liền đem hai ngón vô danh kèm đè lên, hai ngón giữa cùng dính đầu ngón, hai ngón trở đều phụ lỏng trên của hai ngón giữa, hai ngón cái đều phụ bên cạnh hai ngón trở, liền thành.

Dùng Ấn này múc lấy nước dùng làm Quán Đỉnh. Chú là:

"**Ấn (1) hạc, khư lý lý (2) hồng (3) phán**"

ॐ ह्रिः ॐ ह्रिः ॐ ह्रिः

OM _ HAḤ _ KHAKALI _ HÙM PHAT

Tụng Chú này ba biến Quán Đỉnh xong, lau thân khiến cho khô ráo

Tức lại kết tóc ở đỉnh đầu, làm một búi tóc. **Kết Đỉnh Phát Ấn**: Tay phải nắm quyền, duỗi thẳng ngón cái tức là **Kết Đỉnh Phát** (kết tóc ở đỉnh đầu), sau đó mới kết Ấn.



Chú là:

"**Ấn (1) thủy khế, toa ha**"

ॐ श्रीं ह्रीं

OM _ 'SIKHI _ SVÀHÀ

Lại nếu lúc tắm gội thời chẳng nên gần chỗ bùn lầy, hoặc gần chỗ có gai góc, những nơi nguy hiểm, vùng có nước xoáy chảy nhanh cho đến rất sâu hoặc lúc rất cạn... đều chẳng nên tắm. Nếu ở suối, ao, sông, giếng... đều chẳng được đi tiểu tiện, chảy nước mũi, nhổ nước bọt.... Trên bờ sông, ao, suối đều chẳng được ném vứt vật chẳng sạch. Hoặc lúc vượt qua, hoặc lúc lặn chìm, hoặc thả nổi đùa giỡn, hoặc nằm, hoặc chuyển, hoặc là hình đó mà sinh tâm Dục... Mọi điều này đều chẳng nên làm.

Một lòng nhớ niệm chư Phật, Bồ Tát...đừng để tán loạn. Tưởng **Bản Chú Thiên** cùng với thân của mình không có khác. Tưởng **Bản Chú Thân** với nhóm **Tam Bảo** như ngay trước mắt. Dùng ba bùm nước muốn tắm để hiến.

Ấn đó là: Hai tay như thường làm thành bụm tay, chỉ đem hai ngón cái với hai ngón trỏ cùng vịn nhau, trước tiên dâng phụng Tam Bảo với Bản Thiên. **Hiến Thủy Chú** là:

"Ấn (1) đế lý đế lý (2) bột đà (3) toa ha"

ॐ ढरुले बुधु सुद

OM _ TERALE BUDDHA _ SVÀHÀ

"Ấn (1) đế lý đế lý (2) đạt ma (3) toa ha"

ॐ ढरुले धरु सुद

OM _ TERALE DHARMA _ SVÀHÀ

"Ấn (1) đế lý đế lý (2) tăng già (3) toa ha"

ॐ ढरुले सङु सुद

OM _ TERALE SAMGHA _ SVÀHÀ

Hiến Bản Thiên Thủy Chú là:

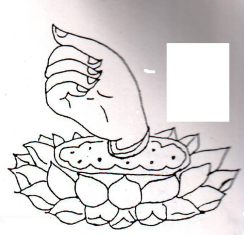
"Ấn (1) đa lý (2) đốt đa lợi (3) đốt lợi (4) a lý kiềm (5) bà già bà đế (6) bát la để xa, ế hàm (7) toa ha"

ॐ ढरु तुदरु तुरु अरु ढरुवुतु अरु ढरु सुद

OM _ TÀRE TUTTÀRE TURE ARGHAM BHAGAVATE PRATICCHA IMAM SVÀHÀ

Làm nước bên trên của Pháp đó xong, tùy theo sức nhiều ít, ở trong nước niệm nơi Bản Chú xong, từ từ ra khỏi nước, lấy áo mặc. Lúc mặc áo thời dùng nước rưới vẩy ở trên áo, sau đó lấy mặc vào.

Tiếp hai tay lấy nước làm quyền, dùng rưới vẩy liền thành.



Chú là:

"Ấn (1) tát bà đất tha yết đa (2) địa sắt-sỉ đa (3) a ma chí bà la (4), toa ha"

Tiếp Ấn Chú mặc áo. Ấn ấy là: Hai tay đều nắm quyền, liền thành.



Chú là:

ॐ धरुले धरुवुतु बुधु सुद

OM _ VIMALA PARIVARTTA-VAJRI _ HÙM

Tụng Chú đó mặc áo kèm với đeo Anh Lạc, đội mũ, đeo vòng xuyên với các vật nghiêm thân đều cùng dùng Chú lúc trước.

Ngay lúc tắm gội, mặc áo kết Hộ. Ở khoảng giữa ấy chẳng nên khởi tức giận với nhớ nghĩ tà bậy. Tất cả vật của nhóm uế ác với chẳng lành đều chẳng nên nhìn.

Nếu tắm gội xong, đi đến Tịnh Xá thời chẳng thể để chân không mà đi, trong Tâm tác tướng có hoa sen tám cánh nâng bàn chân ấy. Thân của mình cùng với hình của **Bản Thiên** cùng một loại, tướng hai bên trái phải đều có đủ tám Bộ Trời Rồng, Thần Vương vây quanh theo hầu. Lại quán **Bản Thân** ở ngay trước mặt của mình, nghiêm nhiên trụ trong ba cõi.

Tất cả người trì tụng, lúc muốn xuất hành thời không kể xa gần, trong đường đi có cỏ tươi với các hàng súc sinh... chẳng nên ngồi cỡi lên. Các vật cúng dường với bóng tháp, ảnh của Tôn tượng với bóng ảnh của sư tăng, cha mẹ... đều chẳng nên đạp lên.

Đến trước Tịnh Xá, lại rửa sạch xúc miệng rồi vào Tịnh Xá. Lúc mới mở cửa thời tác một tiếng **Hồng** (HÙM) rồi vào. Vào xong rồi làm lễ. Lúc làm lễ thời tác Tâm như vậy: "*Chư Phật, Bồ Tát, tất cả Pháp Vương của ba đời, thường trụ không biến đổi, chỉ vì người phạm mất thịt chẳng gần gũi nhìn thấy*"

Tác tướng đó xong, nên trừ ba **Si**, phát tu ba **Phước**, cúi năm vóc sát đất ân trọng mà lễ.

Lúc lễ bái thời Tâm, miệng tương ứng nói lời như vậy: "*Nay con quy mệnh tất cả chư Phật với các Bồ Tát*".

Nói lời đó, lễ xong liền quỳ hai gối, chắp tay chí tâm sám hối tất cả tội lỗi do tự mình làm hoặc dạy người khác làm, thấy nghe chỉ dẫn vui mừng....các Ác của nhóm như vậy, thấy đều sám hối.

Sám hối xong, lại nên tùy vui tất cả Công Đức, rộng phát Nguyện lớn, thề tu các điều lành chẳng gây hại cho vật.

Tác Pháp đó xong, liền quỳ gối phải sát đất, y theo **Kim Cương Tam Muội Ấn** lúc trước, tụng Chú này.



Chú là:

"**Án (1) bạt chiết la, mật (2) toa ha**"

ॐ वज्र ह्रीं ह्रूं

OM _ VAJRA VIH _ SVÀHÀ

Lúc tác Ấn đó thời đồng với dùng ba Nghiệp cúng dường chư Phật, hay khiến cho Hành Giả mau được thân bền chắc của Kim Cương.

Tác Pháp đó xong, nên ngồi Bán Già, mở hai mắt ấy. Ở trên con mắt bên phải tướng một chữ **Ma** (𑖣-MA), tức chữ **Ma** này biến thành mặt trời sáng rực. Ở trên

con mắt bên trái, tưởng một chữ **Tra** (𑀮_Ṭ), tức chữ **Tra** này biến làm mặt trăng trắng sạch

Tác tưởng đó xong, ngoái nhìn bốn chung quanh như Sư Tử Vương. Ở trong mắt ắt bắn ra uy quang Kim Cương sáng rực, bốc lửa đỏ rực thiêu tan tất cả **Tỳ Na Dạ Ca** (Vinayàka:Loài gây chướng). Tác Pháp đó hay khiến cho **Chú Thần** thấy đều vui vẻ.

Tác tưởng đó xong thời Chú là:

"**Án, bạt chiết la (2) đạt lữ sắt sỉ, ma tra**"

ॐ वज्र इष्टि म

OM _ VAJRA DRṢṬI _ MAṬ

Lại nên đốt hương, dùng khói hương này xua đuổi tất cả các Ma trong cõi hư không ở phương trên. Chú là:

"**Án, bát đầu di nễ (2) mâu a gia, mâu ha gia (3) xà ngải mâu ha nễ (4) toa ha**"

ॐ पद्मिनी मोहया मोहया जगदमोहनि स्वहा

OM _ PADMINI MOHAYA MOHAYA JAGAD-MOHANI _ SVÀHÀ

Tụng Chú này đốt hương tịnh trừ Ma trong cõi hư không ở phương trên xong.

Liên tụng **Bộ Tâm Chú** chú vào hương bột hoà với nước, dùng để kết Giới bốn phương. Chú là:

"**Án (1) a lộ lực (2) toa ha**"

ॐ अल्लिक स्वहा

OM _ AROLIK_ SVÀHÀ

Tác Pháp đó xong. Lại tác quán này: một chữ **Hột-lý** (𑀮_HRÌḤ), **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitàyus-tathàgata) từ chữ đó khởi thân, tuôn ra nước sữa màu nhiệm tạo thành biển lớn. Ở trong biển đó, tưởng một chữ **Bát-la** (𑀮_PRA), toàn chữ **Bát-la** này hoá thành một con rùa với thân hình rộng dài vô lượng, màu sắc như vàng ròng. Ở trên lưng rùa, tưởng một chữ **Hột-lý** (𑀮_HRÌḤ), tức chữ này lại hoá làm một hoa sen. Hoa ấy màu đỏ đều có tám cánh, cánh có ba lớp. Lại ở trong hoa này, tưởng chữ **Tô** (𑀮-SU), hai bên chữ **Tô** đều tưởng có một chữ **Hồng** (𑀮_HUM) rồi hoá thành một núi Tu Di (Sumeru), núi có tám ngọn do mọi báu hợp thành

Ở trong núi này, lại quán năm cái thất. Thất chính giữa từ chữ **Hồ** (𑀮_VAM) khởi, thất ở phương Đông từ chữ **Hồng** (𑀮_HUM) khởi, Thất ở phương Nam từ chữ **Đát-lạc** (𑀮-TRÀḤ) khởi, Thất ở phương Tây từ chữ **Hột-lý** (𑀮_HRÌḤ) khởi, thất ở phương Bắc từ chữ **A** (𑀮_AḤ) khởi

Tức năm cái thất này, bên ngoài tựa như có năm cái, nhưng bên trong là một cái thất. Trong đó có tám cây cột Kim Cương lớn do mọi báu tạo thành, bên cạnh tràn đầy đồ quý báu hiếm có xen kẽ, đá báu trang sức. Bên trên có đầu cá **Ma Kiệt** (Makàra) lộ răng nanh ngậm viên ngọc báu. Lại treo chuông bằng vàng, chuỗi Anh Lạc rủ chung quanh. Lại giăng trướng báu, Giác Hoa trang nghiêm, lưới tơ, dây đai, hoa **Nuy Nhụy** (hay Ngọc Trúc) giao liên nhau, ánh sáng trong sạch cùng soi rọi đều nhau. Báu của nhóm Lưu Ly làm mặt đất, ở trên đất rải bày nhóm Diệu Hoa, **Câu**

Tụng Minh Chú đó, tưởng lễ các Như Lai xong. Liền tụng Tâm.

Lúc quán tâm của mình thời nên tụng Chú này. Chú là:

"Án (1) chất đa, bát la để phệ đà (2) yết lô di"

ॐ (ॐ) ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM – CITTA PRATIVEDHAMĀ KARA-UMI

Tụng Minh Chú đó, tụng tưởng trong trái tim làm tướng vành trăng. Nếu chưa rõ ràng, liền bạch Phật rằng: "*Con đã tác quán nhưng chưa rõ ràng*".

Đức Phật bảo: "*Thiện Nam Tử ! Người nên tụng Chú đó lần nữa, quán tâm ấy khiến cho rất sáng trong*". Chú là:

"Án (1) bồ đề chất đa mẫu đất ba đà, dạ nhĩ"

ॐ (ॐ) ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM – BODHICITTAM UTPĀDA YĀMI

Tụng Chú đó, quán mặt trăng ở trái tim rất sáng trong xong, được Bồ Đề bền chắc. Ở trên mặt trăng quán một hoa sen Kim Cương.

Lúc quán hoa đó thời tụng Chú này. Chú là:

"Án (1) để sắt-xá (2) bạt chiết la (3) bát đà ma"

ॐ (ॐ) ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM – TIṢṬA VAJRA-PADMA

Tụng Chú này dùng quán nơi hoa. Ở trên hoa ấy có một Kim Cương. Dùng tướng đó nên gọi là **Kim Cương Liên Hoa** (Vajra-padma). Nên tác "*Tâm đó tức là Ta, thân này cùng với hoa Kim Cương chẳng phải một chẳng phải khác, dần dần mở bày ánh sáng rực rỡ vượt qua vô lượng cõi*".

Lúc nhập vào **Kim Cương Liên Hoa Khai Phú Quang Minh Tam Muội** đó thời lại tụng Chú này. Chú là:

"Án (1) tất phả la (2) bạt chiết la (3) bát đà ma"

ॐ (ॐ) ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM – SPHARA VAJRA -PADMA

Tụng Chú đó, quán hoa nở bày. Ánh sáng của hoa chiếu soi vô lượng hằng hà sa số cõi màu nhiệm của chư Phật. Ở trong ánh sáng đó diễn xướng tiếng của **Đa Lợi Bồ Tát** (Tārā-bodhisatva), tiếng màu xanh sáng thuận cong theo.

Như Lai của các cõi ở các phương đều nhập vào trong hoa đó. Các Như Lai đó nhập vào hoa này xong, liền lại từ từ rút nhỏ hoa này lại, như lúc xưa không có khác. Tùy theo sức hay quán thân đó lớn nhỏ mà khiến trụ. Lúc tác **Liễm Hoa Tam Muội** thời nên tụng Chú này. Chú là:

"Án (1) tăng ha la (2) bạt chiết la (3) bát đà-ma"

ॐ (ॐ) ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM – SAMHARA VAJRA-PADMA

Tụng Chú thu nhỏ hoa này (liễm hoa), tùy theo lớn nhỏ, trụ xong.

Lại nhập vào **Kim Cương Liên Hoa Chi Thân Tam Muội**, toàn hoa sen này thành thân của Ta. Lúc nhập vào Quán đó thời lại tụng Chú này. Chú là:

"**Án (1) bạt chiết-la (2) bát đà-ma (3) hằng-mãng cú hàm (4) tam ma đữu hàm (5) ma ha tam ma đữu hàm**"

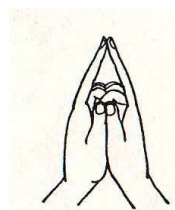
ॐ वज्रपद्ममहासमयाहं समयाहं महासमयाहं

OM – VAJRA-PADMA ATMAKA-UHAM _ SAMAYA-UHAM _ MAHA SAMAYA-UHAM

Quán thân của hoa sen Kim Cương đó xong, liền quán nơi thân này là nơi **Thánh Giả Quán Thế Tự Tại Bồ Tát** (Àrya-avalokite'svara-bodhisatva). Thân tướng ấy là: Ngồi trên hoa sen báu, đội mào hoa báu, ở trong mào ấy có Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitayus-tathàgata) ngồi trên hoa sen báu, tác tướng nói Pháp. Đây gọi là Tướng của Như Lai trong mào. Tay trái cầm giữ hoa sen Kim Cương, tay cầm hoa ấy: trước tiên tác Liên Hoa Quyền xong, sau đó duỗi đem vạch của ngón giữa với đầu của ngón trỏ cùng với ngón cái cùng vịn nhau; ngón út, ngón vô danh như Quyền. Dùng tay Ấn này cầm hoa Kim Cương. Bên phải cũng như vậy, chỉ ở trên hoa vịn một cánh hoa làm thế bóc lột hoa.

Như vậy Quán. **Đa Lợi Tâm Bồ Tát Thành Giả** đến Quán, bởi thế trước tiên nhập vào Quán này, vì muốn dựng lập thân này mau được thân của Kim Cương bền chắc.

Lại muốn đời đời được như thân của Thánh không có khác, dựng lập thân này dùng Ấn Chú đó. Hai tay: ba ngón từ ngón trỏ trở xuống, hướng ra ngoài cài chéo nhau, hai ngón trỏ cùng trụ đầu ngón như cánh hoa sen, kèm duỗi dụng hai ngón cái.



Chú là:

"**Án (1) cật-ly tát bà ca lý (2) a địa sắt-đà, bà phộc hàm (3) hột-ly**"

ॐ अ स क र्ण (अक्षरं स र्ण)

*) OM – GRI - SARVA-KARI ADHIṢṬA SVÀMAM _ HRÌḤ

Dùng Ấn Chú đó ấn ở bốn chỗ. Bốn chỗ là: trên trái tim, tam tinh (my gian), trên cổ họng, trên đỉnh đầu. Đây là bốn chỗ.

Tiếp tác Pháp **Tự Quán Đỉnh** hay khiến cho Hành Giả mau được thành tựu đầy đủ ba thân. Tướng của Ấn đó là: Hai tay như thường, chắp lại, liền đè ép bốn ngón từ ngón trỏ trở xuống, cùng trụ đầu ngón, xếp nếp lưng ngón tay ấy làm hình cánh hoa sen báu.



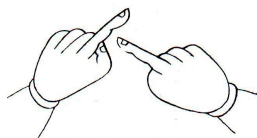
Chú là:

"**Án (1) địa lý, ma nễ, bát đầu-ma (2) a tỳ sần giả hàm, hột-ly**"

ॐ वृ मणि पद्म अभिसम्भ्र म ह्री

OM _ DHR _ MANI-PADMA ABHISIMCA MAM _ HRİH

Tụng Chú này, nâng Án ấy trụ trên trán, liền chia bung tay quán quanh đầu đến phía sau đỉnh đầu. Từ từ lần theo thân cho đến trụ ở trái tim, trước tiên lại dùng hai tay nắm Kim Cương Quyên, liền duỗi ngón trỏ khiến ngay thẳng, ở mặt ngón trỏ phải tưởng có một chữ **Án** (ॐ_OM), ở mặt ngón trỏ trái tưởng một chữ **Châm** (ॐ_TUM), liền đem hai ngón tay cùng quán quanh nhau, trên chữ của ngón tay ấy phóng ra ánh sáng rất có uy đức.



Lại đem hai tay quán quanh thân hướng đến ở trên lưng, cũng lại từ trên lưng quán quanh, đến trên rốn cũng thế. Lại từ trên rốn quán quanh, đến ở sau eo lưng. Từ sau eo lưng quán quanh, giáp vòng chỗ ngồi ấy. Từ bên dưới hướng lên trên, đến ở phía trước cổ họng cũng như thế. Lại từ phía trước cổ họng đến ở sau đỉnh đầu cũng như vậy. Từ sau đỉnh đầu đến ở trên trán cũng thế. Từ trên trán quán quanh đến sau đỉnh đầu. Quán quanh như vậy xong, từ tư bung tán mười ngón của hai tay.

Tác Pháp đó xong thì tất cả hàng Trời, Rồng, Người, Phi Nhân đều nhìn thấy Hành Giả là thân Kim Cương, mặc áo giáp Kim Cương. Các hàng Tà Ma chẳng dám nhìn thẳng, lui tan chạy trốn, chẳng thể gây hại.

Tác Pháp đó. Tiếp lại ở trước mặt quán Tượng của Bản Pháp từ hình tướng của **Quán Âm** như thường. Lại nữa như trước đã nói núi Diệu Cao, quán trong năm cái thất báu, ở trong ấy một lòng chân thật quán Đức Phật **Vô Lượng Quang** (Amitàbha) có 32 tướng, 80 chủng tử ánh sáng rực rỡ. Ở bên phải Đức Phật có một vị **Quán Âm Thánh Giả**, ở bên trái của Đức Phật có một vị **Vô Cấu Hạnh Bồ Tát**, ở trước mặt Đức Phật, hơi gần mé bên phải có vị **Thánh Giả Đa Lợi** (Àrya-Tàrà)

Đức **Di Đà Như Lai** từ chữ **Hột-ly** (ॐ_HRİH) khởi hình, **Quán Âm Bồ Tát** từ chữ **Sa** (ॐ_SA) khởi hình, **Vô Cấu Hạnh Bồ Tát** từ chữ **Bà** (ॐ_VA) khởi hình, **Đa Lợi Thánh Giả** từ chữ **Đông-lộng** (ॐ_TAM) khởi hình. Bên phải Đa Lợi Bồ Tát có một vị Sứ Giả tên là **Nhất Kế** (Ekajata-bodhisatva) là vị Thánh Giả từ chữ **Ế** (ॐ_E) biến khởi nơi hình. Ở bên phải của Vô Cấu Hạnh Bồ Tát có một vị **Tỳ Câu Chi Bồ Tát** (Bhṛkūti-bodhisatva) là vị Bồ Tát từ chữ **Bì** (ॐ_BHR) mà khởi. Ở bên trái có một vị **Mã Đầu Bồ Tát** (Hayagriva-bodhisatva) là vị Bồ Tát lại từ chữ **Hà** (ॐ_HA) mà khởi nơi hình

Hình tướng của nhóm như vậy rộng như Kinh nói. Ở trước mặt Đức Phật có một vị **Địa Thiên** (Pṛthivīye_deva) là vị Trời từ chữ **Ba** (ॐ_PA) mà khởi nơi hình.

Ở bốn phương đều tưởng có Thần (Devatà) dùng làm thị vệ.

Vị Thần ở phương Đông tên là **Ấn Đạt La** (Indra) là Thần Nữ mặc áo giáp Kim Cương, tay cầm Kim Cương hộ giúp phương Đông

Phương Nam có vị Thần tên là **Diêm Ma** (Yama) là Thần Nữ mặc áo giáp, tay cầm cây gậy Diêm Ma hộ giúp phương Nam

Phương Tây có vị Thần tên là **Bà Lô Nễ** (Varuṇi) mặc giáp trụ, cũng làm dung nghi người nữ, cầm cung tên thủ hộ phương Tây.

Phương Bắc có vị Thần tên là **Câu Tỳ Lý** (Kuveri) khoác mặc áo giáp, y như lúc trước, tay cầm một cây gậy hoa thủ hộ phương Bắc.

Nhóm Thần như vậy đều có uy quang, thấy khiến rõ ràng như thế, tướng quán như đối trước mắt.

Tác Pháp đó, quán xong. Lại dùng chữ của Chú trong Bản Minh Chú, tướng ngay trên thân.

Trước tiên dùng chữ **Ấn** (𑖅) trên, tướng ở trên đỉnh

Tiếp dùng chữ **Đa** (𑖇) tướng ở ngay trán

Lại dùng chữ **Lê** (𑖉) tướng ở hai mắt

Lại dùng chữ **Đốt** (𑖊) tướng an trên cổ

Tiếp dùng chữ **Đa** (𑖇) tướng ở vai vai

Lại dùng chữ **Lê** (𑖉) tướng ngay trên trái tim

Tiếp dùng chữ **Đổ** (𑖋) tướng ngay trên rốn

Lại tướng chữ **Lợi** (𑖌) ở ngay hai lá lách

Lại tướng chữ **Toa** (𑖍) ở trên hai cẳng chân

Lại tướng chữ **Ha** (𑖎) ở trên hai bàn.

Nay tướng mười chữ này an bày vòng khắp nơi thân xong

Lại tác **Bảo Xa Ấn** dùng nghênh đón các hàng Thánh Giả. Bởi thế trước tiên tác **Bản Thân Thân Quán** lúc trước, sau đó mới thỉnh Thánh Giả. Ấy là mỗi mỗi quán chư Thiên, biết tướng ấy xong mới thỉnh **Tuệ Thân** đi đến **Pháp Thế**. Do nghĩa đó cho nên trước tiên Quán Thỉnh.

Bảo Xa Ấn là: Hai tay ngửa ngang bằng nhau, ba ngón từ ngón trở trở xuống hướng vào trong cùng cài chéo nhau, để cạnh của hai ngón trở cùng trụ nhau, đem ngón cái hướng vào bên trong, bật hai ngón trở ra. Đây gọi là **Bảo Xa Ấn**.



Tướng xe báu ấy đi đến chỗ của các Tôn. Chư Tôn đều cùng ngồi trên xe báu ấy đi đến. Tướng ở trên xe đó có bảy báu, mọi báu trang nghiêm, giăng che lưới báu, chuông, dây đeo rũ vòng quanh. Ở khoảng giữa của lưới ấy đều có ngọc Ma Ni màu nhiệm toả sáng rực rỡ, nương theo mây năm màu, bay trên không đi đến.

Chú của Ấn đó là:

"Ấn (1) đổ lô, đổ lô (2) hồng"

ॐ तुर तुर हूं
OM_TURU TURU HÙM

Tụng Chú đó xong, dùng Ấn lúc trước, tưởng đến chỗ của Thần. Bởi thế lại dùng **Bản Bộ Tâm Chú** thỉnh Thánh Giả giáng phó.

Tâm Ấn là: Dem mười ngón tay hướng vào bên trong cài chéo nhau làm quyền, liền rút ngón cái phải ra, hướng vào bên trong, chiêu mời.



Chú là:

"Ấn (1) a lô lực (2) toa ha"

ॐ अल्लो लोका हा
OM _ AROLIK_ SVÀHÀ

Lúc trước dùng **Bảo Xa Ấn Chú** trước tiên nghênh đón. Tiếp nên dùng **Bộ Tâm Chú** thỉnh giáng xuống và đều đi đến, nhận cúng vật của Hành Giả, lợi ích cho Người, Trời.

Lúc đi đến thời lại dùng **Mã Đầu Bồ Tát Ấn Chú** để triệu mời. Ấn ấy là: Hai tay: ba ngón từ ngón trở trở xuống, hướng ra ngoài cùng cài chéo nhau làm quyền. Hai ngón cái, bên phải đè bên trái, cùng giao nhau. Co lóng giữa của hai ngón trở cùng dính lưng nhau, liền thành.



Chú là:

"Ấn (1) ha gia cát lợi bà (2) ma ha bát na ma (3) củ xá, yết lý bà gia (4) thí già-lam (5) tát bà bát đầu ma của xá (6) tam ma diển, bát đầu ma (7) củ xa, đạt la (8) hồng xà"

(Ấn này xuất từ Kinh **Hằng Tăng Kiệt La Ha**)

ॐ ह्यग्रिवा महापद्मा अङ्कुसा अकारशया सिंघ्राम
सर्वपद्माकुला समयाम् पद्मा-अङ्कुसा-धारा हूं
ॐ हूं

OM – HAYAGRIVA MAHÀ-PADMA AÑKU'SA AKARŞÀYA – 'SÌGHRAM SARVA PADMA-KULA SAMAYAM _ PADMA-AÑKU'SA-DHÀRA_ HÙM JAḤ.

Nên dùng Ấn Chú đó triệu mời. Lúc triệu mời thời dùng ngón trở chiêu mời cái xe ấy đến.

Lại dùng **Bản Chú Ấn** hạ xuống dưới, đem tay trái nắm cổ tay phải xong, đưa tay trái an trên đỉnh đầu, hướng về phía trước chiêu mời. Chú là:

"**Án (1) tát bà tát đoả nam (2) ế hề ế hề (3) toa ha**"

ॐ स्रर्वस्रर्वज्ञं वकुलं सूक्तं

OM _ SARVA SATVÀNÀM _ EHYEHI _ SVÀHÀ

Dùng Án Chú đó đưa xe báu hạ xuống. Xe báu hạ xuống xong.

Lúc vào cái Thất báu thời lại dùng Án Chú này nhập vào. Chắp hai tay lại, giữa rỗng, khiến đầu ngón cùng trụ nhau, liền giao vạch trên của hai ngón trỏ, bên phải đè bên trái, liền thành.

Chú là:

Án (1) a mâu già, bát đạt ma, ba xá (2) câu lô đà (3) a ca lý sa gia (4) bát la phệ xá gia (5) ma ha ba du ba đế (6) diệm ma bà lô noa (7) câu tỳ la, bột la ma (8) Án, phệ sa đạt la (9) bát đầu ma câu la (10) tam ma diển (11) hồng hồng (12)"

ॐ अमोघ पद्मपति क्रोधाक्षय प्रवेक्षय मन्वसुपति यम वरुण कुबेर बुध

ॐ शिवरा पद्मकुल समय हूं हूं

OM – AMOGHA PADMA-PÀ'SA KRODHA AKARṢÀYA PRAVE'SÀYA – MAHÀ-PA'SÙ-PATI _ YAMA _ VARUNA _ KUVERA _ BRAHMA

OM _ VE'SA-DHÀRA _ PADMA-KULA SAMAYAM – HÙM HÙM

Dùng Án Chú đó thỉnh tất cả các hàng Chú Thiên trong Liên Hoa vào cái Thất báu. Vào xong mới bày toà ngồi khiến ngồi.

Toạ Án là: Hai cổ tay cùng dính nhau, dựng thẳng mười ngón tay, mở bung, tưởng như hoa sen tự nở.



Tức Chú đó là:

"**Án (1) tát bà bát la tỳ sắt-tra (2) bồ đà na gia (3) toa ha**"

ॐ स्रर्वं प्रतिष्ठ बुद्धाय सूक्तं

OM _ SARVA PRATIṢṬA BUDDHA-NÀYA_ SVÀHÀ

Dùng Chú Án đó bày toà ngồi xong, thỉnh chư Thiên ngồi xong.

Liền hiến nước thơm, nước ấy tên là **Át Già Thủy**. Án là: Hai tay:ba ngón từ ngón trỏ trở xuống, nắm ngón cái làm quyền, co hai ngón trỏ cùng trụ đầu ngón.



Chú là:

"**Án (1) tát bà ô đặc ca, yết la xà gia (2) toa ha**"

ॐ स्रक् उरुक्श्रय स्रक्

OM _ SARVA UDAKA-AKARṢĀYA_ SVĀHĀ

Dùng **Án Hương Thủy** đó cúng dường. Nước ấy nên dùng nhóm bìn Bạch Đàn Hương hoà với nước cúng dường xong.

Liên tác **Bế Môn Án**. Chắp hai tay lại, giữa rỗng, co vạch trên của hai ngón trỏ, bên trái đè bên phải, cùng cài chéo nhau. Đem hai ngón cái, bên phải đè bên trái, cài chéo nhau đều vịn đầu ngón trỏ. Chú là:

"**Án (1) bát đầu ma (2) tắc bố tra, bàn đà (3) tát bà bát đầu ma, câu la (4) tam ma diển (5) thử yết lam (6) hồng (7)**"

ॐ यश्च ऋः व व स्रक् यश्चकुर्व स्रमं ह्र

OM _ PADMA SPHOTA BANDHA _ SARVA PADMA-KULA-SAMAYAM_ 'SIGHRAM HŪM

Tụng Chú đó, dùng **Án** đó để đóng bốn cửa của cái Thất báu.

Tác Pháp đó xong. Lại tác Pháp **Hoan Hỷ Án Chú** khiến cho các hàng Thánh Giả đều rất vui vẻ. Chắp hai tay lại, co hai ngón trỏ cùng trụ đầu nhau, kèm co ngón cái vào lòng bàn tay. Chú là:

"**Án (1) sa mâu khư, bà nại la, câu ma la (2) phê sa đạt la (3) bát đầu ma, kiến tra gia, tỳ xá gia (4) tát bà bát đầu ma, câu la (5) tam ma diển (6) tát bà một tấu lam (7) bàn đà gia (8) tát bà tất địa dụ di (9) bát-la duệ xa (10) bát đầu ma, phê xá (11) a a a a (12)**"

ॐ स्रमुक्ख रुः कुमरं वरिः यश्च चंः य स्रक् यश्चकुर्व स्रमं स्रक् सुः व व य स्रक् (स्रि सुः यः क यश्च वरिः वः वः वः

OM _ SADMUKHA-BHADRA KUMĀRA VE'SA-DHARA PADMA GHAMṬĀYA _ SARVA PADMA-KULA-SAMAYAM_ SARVA MUDRAM BANDHĀYA _ SARVA SIDDHI SUME PRAYĀCCHA _ PADMA-VE'SA AH _ AH AH AH

Tác Pháp đó xong.

Liên tác **Tịnh Địa, kết Hạ Phương Kim Cương Quyết Án**. Đem ngón giữa, bên phải đè bên trái, cùng giao nhau, đều dùng đầu an ở khoảng ngón trỏ. Hai ngón vô danh cũng bên trái đè bên phải cùng giao nhau, dùng đầu an ở khoảng ngón út. Đem hai ngón út cùng trụ đầu ngón, đầu ngón trỏ cũng trụ nhau, hợp đầu hai ngón cái cùng dính nhau.



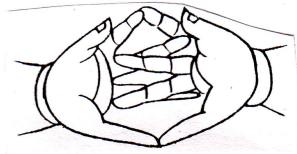
Chú là:

"**Án (1) chỉ lý chỉ lý (2) bạt chiết la, bộ la (3) bàn đà bàn đà (4) hồng (5) phán (6) toa ha**"

ॐ किलि किलि वाज्र वाज्रि भूरुं बन्धा बन्धा हुं ह्रिं श्रुं
 OM_KILI_KILI_VAJRA_VAJRI_BHURU_BANDHA_BANDHA_HUM
 PHAT_SVAHA

Dùng Ấn này tiếp chạm mặt đất, hay khiến cho tất cả Tỳ Na Dạ Ca ở phương dưới thấy đều xa lìa.

Tác Pháp này xong, lại tác **Kết Hộ Tứ Phương Ấn**. Dựa theo lúc trước, chỉ sửa dụng hai ngón cái liền thành.



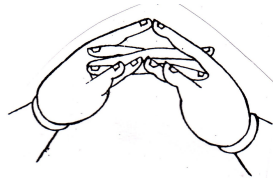
Chú là:

"**Ấn (1) sa la sa la (2) bạt chiết la (3) bát la ca la (4) hồng (5) phán (6) toa ha**"

ॐ सरा सरा वाज्र प्रकरं हुं ह्रिं श्रुं
 OM_SARA_SARA_VAJRA_PRAKARA_HUMPHAT_SVAHA

Tụng Chú đó xong, đem Ấn này quấn quanh thân, chuyển ba lần, liền thành **Tứ Phương Giới**. Pháp đó trừ Ma Chương của bốn phương.

Tác Pháp đó xong, liền **Kết Thượng Phương Giới**. Ấn ấy dựa theo lúc trước, chỉ sửa hai ngón trỏ cùng giao nhau, đem đầu của hai ngón cái và đầu của hai ngón trỏ cùng trụ nhau.



Chú là:

"**Ấn (1) tỳ tất phổ la (2) nại lạc cật xoa (3) bạt chiết la, bàn xà la (4) hồng (5) phán (6) toa ha**"

ॐ विष्णु राक्ष वाज्र पद्मं हुं ह्रिं श्रुं
 OM_VISPHURAD_RAKSA_VAJRA_PAMJALA_HUMPHAT_SVAHA

Dùng Ấn Chú này kết ở Thượng Phương Giới xong.

Tác Pháp **Kết Hộ** đó xong.

Nay thứ tự nói Pháp của bốn loại cúng dường **Bí Mật Nội Ngoại**. Trước tiên nói bốn loại Ấn của **Nội Cúng Dường**.

Thứ nhất tên là **Bát Đạt Ma La Tử** (Padma-làsya: Liên Hoa Hỷ Hý). Tướng của Ấn này là: hai tay: bốn ngón từ hai ngón trỏ trở xuống, như thường chấp lại, rồi mở ở giữa. Lại giương hai ngón cái dính thân.



Chú là:

"**Ấn (1) bát đạt ma la tế (Hỷ Hý) la yết na (2) ma ha la đễ, la yết (3) bố xà, tam ma duệ (4) hồng**"

ॐ पद्मलस्ये रगनम महारतिरग पुजा समये हूँ

OM – PADMA-LÀSYE RÀGÀNÀM _ MAHÀ-RATI-RÀGA _ PÙJA SAMAYE HÙM.

Thứ hai tên là **Bột Địa Na Già Ma La** (Man: vòng hoa) **Ấn** (Buddha-nàya-màla-mudra). Dựa theo Ấn lúc trước, duỗi dài, dẫn hướng về phía trước liền thành.



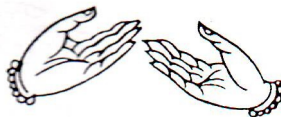
Chú là:

"**Ấn (1) bát đạt ma, ma lệ (2) tỳ sần giả (3) a tỳ lệ ca (4) bố xà, tam ma duệ (5) hồng**"

ॐ पद्ममाला अभिसिंका अभिरिका पुजा समये हूँ

OM –PADMA-MÀLA ABHISÌMCA_ ABHIRIKA _ PÙJA SAMAYE HÙM.

Thứ ba tên là **Bát Đạt Ma Nghĩ Đa** (ca) **Ấn** (Padma-gìta-mudra). Dựa theo Ấn lúc trước, lại thu nhỏ dẫn ngang trái tim từ từ hướng lên trên, mở bàn tay bung tán, liền thành.



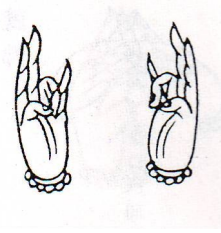
Chú là:

"**Ấn (1) bát đạt ma nghĩ đế (2) nga đà, nghĩ đa (3) bố xà, tam ma duệ (4) hồng**"

ॐ पद्मगीता गथा गिता पुजा समये हूँ

OM –PADMA-GÌTE _ GÀTHA GÌTA _ PÙJA SAMAYE HÙM.

Thứ tư tên là **Bát Đạt Ma Nại Lật Trí Đế Gia** (Vũ:múa) **Ấn** (Padma-Nṛtya_mudra). Ấn này dựa theo lúc trước, ngang phía trước trái tim, để bàn tay phải ở trên bàn tay trái, chuyển từ từ lên trên, đến cái đầu, liền thành.



Chú là:

"**Án (1) bát đạt ma, nại lật để gia (2) tát bà bố xà (3) bát la bà, lật đa na (4) tam ma gia (5) hồng**"

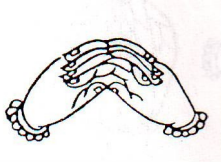
ॐ वसुधैव कुटुम्बकम् सर्वं भद्रं कुरु संस्तुते ॥

OM -PADMA-NRTYA_ SARVA PÙJA PRAVARTTÀNAM _ SAMAYA HÙM.

Phần bên trên gọi là **Bốn loại Pháp cúng dường của Nội Viện.**

Ngoại Cúng Dường có bốn loại.

1_ **Thieu Hương Án:** Hai tay hợp mười ngón tay, bên phải đè bên trái, cùng cài chéo nhau. Liền từ từ hướng xuống dưới, mở bàn tay, liền thành.



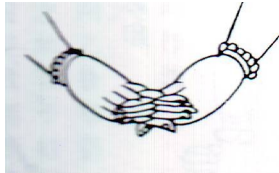
Chú là:

"**Án (1) bát đầu ma độ ba (2) bố xà, tam ma duệ (3) bát la ha la nại gia (4) bát đầu ma câu la, nãi đế (5) ma ha yết nễ (6) bát đầu ma la đế (7)"**

ॐ वसुधैव कुटुम्बकम् सर्वं भद्रं कुरु संस्तुते ॥

OM _ PADMA-DHÙPA PÙJA SAMAYE _ PRAHLA-NÀYA _ PADMA-KULA DINI_ MAHÀ-KAṆI _ PADMA RATI

2_ **Hoa Án:** Hai tay như thường, chấp lại xong liền mở ra hướng lên trên bung tán, liền thành.



Chú là:

"**Án (1) bố sắt ba, bố xà, tam ma duệ (2) bát đạt ma, ma lý nễ (3) ma ha thất lý duệ (4) bát đạt ma câu la (5) bát la để ha lý (6) tát bà át tha (7) sa đạt dạ (8) hồng**"

ॐ वसुधैव कुटुम्बकम् सर्वं भद्रं कुरु संस्तुते ॥

OM _ PUṢPA PÙJA SAMAYE _ PADMA-MÀLINI _ MAHÀ-'SRÌYE _
PADMA-KULA PRATIHÀRE _ SARVA-ARTHA SÀDHAYA _ HÙM

3_ **Đẳng Ấn**: Hai tay, bên phải đè bên trái, hướng ra ngoài cùng cùi chỏ chéo nhau làm quyền, kèm hai ngón cái đè trên quyền ấy.



Chú là:

"**Ấn** (1) địa ba, bố xà, tam ma duệ (2) bát đạt ma, tôn nại lý (3) ma ha nô để dạ (4) lộ hôn tán xà na dạ (5) bát đạt ma, sa la bà để (6) hồng"

4_ **Đồ Hương Ấn**: Tương của Ấn đó như thường, chắp tay lại, giữa rộng. liền mở cổ tay, đưa tay hướng đến trái tim, bung tán liền thành.



Chú là:

"**Ấn** (1) kiến đà, bố xà, tam ma duệ (2) ma ha bát đạt ma, câu la, chế chi (3) câu lô, tát bà yết ma nễ di (4) bát đạt ma, tất địa (5) hồng"

ॐ ऋषि पूरु समथ मरु चरु कुल ररु कुरु मरु ऋरु म चरु
(ॐ ॐ

OM _ GANDHA PÙJA SAMAYE _ MAHÀ-PADMA-KULA-CETI KURU _
SARVA KARMAṆI ME _ PADMA SIDDHI _ HÙM

Tiếp nói Pháp **Hiến Thực Ấn Chú**. Nên ngửa hai bàn tay bằng nhau, cạnh bàn tay cùng dính nhau, liền thành.



Chú là:

"**Ấn** (1) tát bà đạt tha yết đa (2) la sa la sa (3) ngu lô, đạt la, bố xà, tam ma duệ, hồng"

ॐ मरु ऋरु मरु ररु मरु सुरु मरु पूरु समथ ॐ

OM _ SARVA TATHÀGATA _ RASA RASA _ GURU TÀRÀ _ PÙJA
SAMAYE _ HÙM

Các Ấn bên trên gọi là **Ấm Thực Cúng Dương Ấn Chú**.

Tiếp nói Pháp **Thân Cúng Dương** của **Ấn Bộ**.

Sám Hối Ấn: Hai tay như thường chắp lại, liền co hai ngón út cùng dính lưng nhau, hai ngón trở cùng trụ đầu nhau, liền thành. Chú là:

"**Đát địa-gia tha (1) a lợi lệ, đa lợi (2) đốt đa lợi (3) đốt lợi (4) hê lan noa đa, yết la tỳ (5) la xoa, la xoa, hàm (6) tát bà nậu khế tỳ-gia (7) tát bà ô ba nại la phệ tỳ-gia (8) toa ha"**

ॐ हरे तारे तूतारे तूरे हिरान्या-गर्भे राक्षसाम् सर्वदुःखहेभ्यो नमः ॥

TADYATHÀ: OM _ HÀRE TÀRE TUTTÀRE TURE HIRAN̄YA-GARBHE RAKṢA RAKṢA MAM _ SARVA DUḤKHEBHYAḤ SARVA UPADRAVEBHYAḤ SVÀHÀ

Đây gọi là **Căn Bản Ấn**. Ấn này đối trước Đức Phật, hối hận sửa chữa tội lỗi, hay diệt vô lượng tội nặng.

Lại tác **Tâm Ấn**. Chỉ sửa hai ngón cái vịn ngón trở xong, để ngang trái tim. Chú là:

"**Ấn (1) tát bà (2) ha lý đà gia (3) tam bồ đà gia (4) toa ha"**

ॐ ह्रीं हृदयसंशुद्धये नमः

OM – SARVA HRDAYA SAMBODHÀYA – SVÀHÀ.

Lúc làm cúng dường đó thời hay trừ tội thuộc ba nghiệp của Hành Giả.

Tiếp nói Pháp **Khẩu Ấn**. Dựa theo Tâm Ấn trước, chỉ sửa hai ngón cái, co vào trong lòng bàn tay vịn trên móng ngón út, liền thành. Chú là:

"**Ấn (1) tỳ bà la thủy (2) già già na (3) toa ha"**

ॐ त्र्यंबक्यै नमः

OM – VIPA 'SIYÀYA – SVÀHÀ

Sức của Ấn Chú này hay trừ tất cả lỗi thuộc về miệng của Hành Giả.

Tiếp nói **Trừ Nhất Thiết Cái Chướng Ấn**. Tay phải đem ngón cái vịn trên móng ngón giữa, tay trái cũng vậy. Liền đem tay phải hợp ở trên tay trái.



Chú là:

"**Ấn (1) tát bà bột đà, bồ đề tát đỏa gia (2) toa ha"**

ॐ ह्रीं बुद्धसत्त्वै नमः

OM – SARVA BUDDHA BODHI-SATVÀYA – SVÀHÀ

Tiếp nói **Triệu Nhất Thiết Thiên Long Ấn**. Đem tay trái úp che, duỗi dài năm ngón tay. Liền đưa tay phải hướng xuống dưới cài chéo nhau làm quyền. Đưa tay trái chỉ hướng về phía trước chiêu mời. Chú là:

"**Ấn (1) câu lô đà (2) bà bà đệ bà nam (3) toa ha"**

ॐ क्रोध सर्व देवान् मुने

OM – KRODHA SARVA DEVÀNÀM – SVÀHÀ.

Tụng Chú này dùng triệu các tám Bộ Trời Rồng

Tiếp nói **Kết Hộ Nhất Thiết Phương Giới Tịch Trừ Chướng Án**. Trước tiên đem hai ngón vô danh, bên phải đè bên trái, cùng cài chéo nhau. Liền đem ngón giữa phải đè ở trên ngón vô danh trái. Đem ngón cái trái đè đầu ngón út phải. Tiếp đem ngón giữa, ngón trỏ với ngón vô danh của tay trái nắm đầu ngón trỏ phải và cùng trụ với đầu ngón út trái. Đem Án quấn quanh thân khua múa. Tùy theo Tâm của Hành Giả muốn xa gần... làm phòng hộ đều được thành tựu. Chú là:

"Án (1) tát bà được xoa, la xoa bà (2) bàn đà bàn đà (3) toa ha"

ॐ सर्व यक्ष ऋक्षस्य वधु वधु मुने

OM – SARVA YAKṢA RĀKṢASA_ BANDHA BANDHA – SVÀHÀ.

Tiếp tác **Ngũ Tịnh Nhãn Án**. Chắp hai tay lại, giữa rỗng, liền co hai ngón trỏ cùng trụ đầu ngón, đem ngón cái vịn lên, tiếp hai ngón vô danh phụ trên móng ngón út. Chú là:

"Án (1) tát bà chước xô (2) kiến la, yết la gia (3) toa ha"

ॐ सर्व यक्ष गरुडक्षय्य मुने

OM _ SARVA CAKṢU TĀRĀ-JVALĀYA – SVÀHÀ

Người kết Án này thì năm loại mắt thường được trong sạch.

Tiếp tác **Thí Nguyện Án**. Tay trái đem ngón cái vịn đầu ngón trỏ, duỗi ba ngón còn lại. Tay phải cũng vậy. Xong dựng tay trái, rữ tay phải, dùng **thân Án** lúc trước. Lúc tác Án này thời hay khiến cho Hữu Tình trong sáu nẻo không có các khổ não.

Tiếp tác **Triệu Tứ Vương Án**. Hai tay: ba ngón từ ngón giữa trở xuống, bên phải đè bên trái, hướng vào bên trong cùng cài chéo nhau, co hai ngón cái ở trong lòng bàn tay, đem hai ngón trỏ hướng vào bên trong móc nhau. Chú là:

"Án (1) tát bà đệ bà, a yết lý sa gia (2) toa ha"

ॐ सर्व देवा अकारश्या मुने

OM _ SARVA DEVA AKARṢĀYA _ SVÀHÀ

Tác Án này dùng triệu bốn vị Thiên Vương, hỏi việc của thiên hạ thấy đều tùy theo ý.

Tiếp tác **Cấm Thủy Án**. Hai tay: mười ngón hướng vào bên trong cùng cài chéo nhau, liền rút dựng hai ngón trỏ cùng trụ đầu ngón, hai ngón út cũng vậy. Chú là:

"Án (1) tát bà đệ bà, ô đặc ca (2) toa ha"

ॐ सर्व देवदुक् मुने

OM –SARVA DEVA UDAKA - SVÀHÀ

Lúc tác Án này thời hay khiến cho **Thủy Thiên** hàng phục

Tiếp tác **Cấm Hoả Ấn**. Ở trên Thuỷ Ấn, chỉ sửa ngón trỏ ngón út sao cho đầu ngón cách nhau chút ít. Chú là:

"**Án (1) a kỳ na duệ (2) tát bà đệ bà đa (3) a kỳ na duệ (4) toa ha**"

ॐ अक्यय सत् इव न अक्यय सत्

OM _ AGNÀYE _ SARVA DEVATÀ AGNÀYE _ SVÀHÀ

Tiếp tác **Cấm Phong Nạn Ấn**. Trước tiên đem ngón giữa, ngón vô danh của tay phải cài chéo nhau nhập vào trên lưng ngón vô danh của tay trái. Hai ngón trỏ, ngón út tùy nhập vào đè trên tâm ngón vô danh với ngón giữa của tay trái. Ngón trỏ với ngón út của tay trái đè trên lưng ngón giữa, ngón vô danh của tay phải. Ló hai ngón cái cách nhau, dựng thẳng. Lật ngược lòng bàn tay hướng ra ngoài.

Tác **Phong Ấn** này trị tất cả nạn về gió đều chẳng thể gây hại. **Phong Vũ Thần Vương** đều quy phục tùy Phong Ấn. Chú là:

"**Án (1) ma gia phệ (2) tát bà ma câu lô đà (3) nễ phộc đa gia (4) toa ha**"

ॐ मयय सत् म इव न मयय सत्

OM _ VÀYAVE _ SARVA MÀ KRODHA-DEVATÀYA _ SVÀHÀ

Tiếp tác **Tịnh Giới Ấn**. Quỳ gối phải sát đất, liền như thường chấp tay lại, giữa rộng, đem hai ngón trỏ đều phụ vạch bên trên lưng của hai ngón giữa, hai ngón cái đều phụ vạch bên dưới của hai ngón trỏ. Chú là:

"**Án (1) tát bà ba la đề (2) mâu cật xoa, hạt lý đà na dạ (3) toa ha**"

OM _ SARVA PRATI-MOKṢA HRDA-NÀYA _ SVÀHÀ

Lúc kết Ấn này thời hay khiến cho vô tận hữu tình đều được thân Tịnh Giới

Tiếp tác **Cấm Tặc Ấn**. Hai tay đem ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh với ngón út bên phải câu móc bốn ngón của tay trái, đều bung hai ngón cái dựng thẳng.

Lúc tác Ấn này thời tất cả nạn giặc cướp đều bị cột trời chẳng thể gây hại. Chú là:

"**Án (1) tát bà đột sắt tra (2) bát la đột sắt tra nam (3) sân đà gia (4) toa ha**"

ॐ सत् इव न पर इव न ॐ इव न सत्

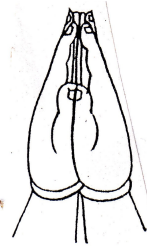
OM – SARVA DUṢṬA, PARADUṢṬÀNÀM, CCHINDÀYA – SVÀHÀ.

Thông Minh Ấn. Hai tay đem ngón cái đều vịn trên móng hai ngón vô danh, kèm dựng thẳng hai ngón út cùng nắm nhau, hai ngón giữa cùng dính cạnh đầu ngón, co hai ngón trỏ đều phụ trên vạch thứ hai của cạnh ngón giữa, sau cho đầu ngón cách nhau một thốn. Tác Ấn pháp này đặt ngay trước trái tim.

Nếu có kẻ **Độn Căn** (Căn tính ngu độn) kết tác Ấn này cúng dường thời cầu nguyện ắt được như ý. Bên trong vương quốc Pha Lê có một vị Trưởng Giả, căn tính ngu độn, vì bảy ngày cầu nguyện liền được thông minh, một ngày tụng một ngàn bài kệ, tự chứng nghiệm các điều khác, chẳng thể luận đủ được. **Tụng Căn Bản Chú** lúc trước.

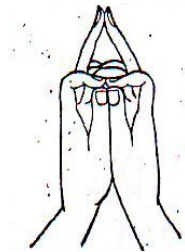
Khai Địa Ngục Môn Ấn. Co hai ngón giữa, ngón vô danh ở trong lòng bàn tay sao cho chạm lưng nhau. Hai ngón cái, ngón trỏ với ngón út đều cách nhau nửa thốn. Lúc tác Ấn này thời cửa Địa ngục mở ra, chúng sinh đang chịu khổ, một thời được giải thoát, vua Diêm Ma La vui vẻ khen ngợi. Đức Quán Âm Đại Bi vì thương xót Chúng Sinh nên nói Pháp Yếu này cứu khổ cho chúng sinh. Cũng tụng **Căn Bản Chú**

Sinh Thập Phương Tịnh Thổ Ấn. Chắp tay để ngang trái tim, kèm hai ngón cái đều trụ trên trái tim.



Lúc tác Ấn pháp này thời vì tất cả chúng sinh sắp chết, tụng Chú, một lòng vì họ tác Ấn Pháp thì tùy theo niềm vui, muốn sinh về quốc thổ của Phật nào sẽ tùy ý vãng sinh. Tụng **Căn Bản Chú**

Kiến Quán Âm Bồ Tát Ấn. Đem hai ngón vô danh với hai ngón út đều cùng cài ngược nhau, bên phải đè bên trái, kèm hai ngón giữa dựng thẳng đầu ngón dính nhau, hai ngón trỏ đều co lóng thứ hai với lóng thứ ba sao cho hai móng tay chung lưng, hai ngón cái đè trên lóng của hai ngón trỏ.



Chuyên tâm chính niệm, sẽ hiện thân. Khi nhìn thấy xong thời sám hối. Quán Thế Âm Bồ Tát nói với Hành Giả rằng: "*Người muốn ước nguyện gì thời tùy theo nguyện đều đầy đủ*"

Người tác Pháp này nên tụng **Căn Bản Chú**.

Tổng Nhiếp Ấn. Ngửa hai cổ tay cùng cài chéo nhau, ngón cái phải đè ngón cái trái, bật tám ngón của hai tay nhanh chóng nắm quyền.



Ấn này nhiếp chung tất cả **Mẫu Đà La Ni**.

Tổng Nhiếp Ấn Chú là:

"**Án (1) tát bà na dữu đa (2) mẫu đà la gia (3) bàn đà bàn đà (4) toa ha**"

ॐ सर्व नयथ मुद्रया बंध बंध मुद्र

OM – SARVA NAYOTHA MUDRÀYA – BANDHA BANDHA – SVÀHÀ

Mãn Lục Độ Ấn. Đặt ngược hai tay, chắp lại sao cho dính lưng nhau, vặn cổ tay hướng ra ngoài, đem hai ngón cái đặt ngang lông mày (Tam tinh) hướng xuống dưới rừ buông

Lúc tác Ấn này thời khởi Tâm Bồ Đề, quán tất cả chúng sinh giống như con đò (xích tử) tất cả chúng sinh đều đầy đủ sáu Ba La Mật, đầy đủ ước nguyện, chư Phật Thế Tôn của hằng hà sa Thế Giới thấy đều vui vẻ. Chú là:

"Đát diệt tha (1) tát bà bồ đà gia (2) tát bà bát lợi nương (3) ba la mật đa duệ (4) Ấn (5) ha bà ha sa (6) toa ha (7) đát diệt tha (8) nhĩ lý, đa lý (9) toa ha

ॐ ह्रस्व सर्व बुद्धय सर्व सुखपरमगय ॐ ह्रस्व ह्रस्व
ॐ ह्रस्व म्र ह्रस्व मुद्र

TADYATHÀ: SARVA BUDDHÀYA – SARVA PRAJÑA PÀRAMITÀYE – OM – HAVA HAVA – SVÀHÀ.

TADYATHÀ: MILI TÀRE – SVÀHÀ.

Thần Túc Ấn. Trước tiên, dùng tay phải co ngón giữa, ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, lại đem ngón cái đè lên trên móng ngón vô danh, ngón giữa, tụng **Căn Bản Chú** xong, dùng xoa hai bàn chân thì ngày đi ngàn dặm. Lúc tác Ấn này thời Địa Thần nâng đài hoa bảy báu đỡ chân của Hành Giả, kẻ phàm phu mắt thịt chẳng nhìn thấy . Có điều phải sinh tâm Từ Bi cứu hộ, đừng vì tiếng tăm lợi dưỡng thì được vạn Thần phò trợ.

Tuỳ Tâm Ấn. Dem ngón trỏ của tay phải với ngón út của tay trái cùng mở cách nhau khoảng một thốn. Lúc y theo Ấn này thời **Căn Bản Chú** tất ước nguyện đều được.

Phá Chư Thiên Long Ấn. Dem tay phải vịn trên lưng tay trái, bốn ngón hướng xuống dưới cùng cài chéo nhau, đưa bốn ngón của tay trái qua lại. Chú là:

"Án (1) câu lô đà (2) tát bà đề bà đa (3) toa ha"

ॐ क्रोध सर्व देवत मुद्र

OM – KRODHA SARVA DEVATÀ – SVÀHÀ.

Ấn Hình Nhập Lục Đạo ấn. Tay phải: đem ngón cái đè trên móng ngón vô danh, ngón giữa. Dựng thẳng ngón trỏ và ngón út. Tay trái cũng vậy, xong đưa ngón cái phải từ dưới hướng lên trên vào ở trong lòng bàn tay phải, móc lấy ngón giữa, ngón vô danh của tay trái, ngón bên phải đè ngón bên trái. Chú là:

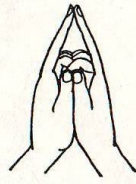
"Án (1) câu ngư gia đế (2) tát bà ca lê gia nễ (3) toa ha

ॐ कुलियसु सर्व कलिया मुद्र

OM – KULIYASU SARVA KÀLIYA – SVÀHÀ.

Lúc tác Pháp Ấn này thời ẩn hình du hành tự tại, tất cả hưng tâm thấy đều ngư nguyện.

Đa Lợi Bồ Tát Thân Ấn. Đem ba ngón từ ngón giữa trở xuống cùng cài chéo nhau, dựng hai ngón trở dính nhau, kèm dựng hai ngón cái.



Chú là:

"**Án (1) đa lợi đa lợi (2) đốt đa lợi (3) đốt đa lợi (4) đốt lợi, đốt lợi (5) toa ha**"

ॐ नरनरं तुनरं तुनरं तुतुनरं
OM _ TÀRE TÀRE _ TUTTÀRE TUTTÀRE _ TURE TURE _ SVÀHÀ

Nếu lúc tác tất cả Ấn này thời rất nên bí mật, chẳng được ở nơi chẳng sạch với đất trống, tâm coi thường mà kết.

Nếu lúc kết Ấn thời nên dùng áo che bên trên, chẳng cho người nhìn thấy với người chưa vào Tam Muội Đàn cũng chẳng được đối trước mặt kết Ấn.

Tác Ấn này cúng dường xong, mới bắt đầu an tâm niệm tụng. Lúc niệm tụng thời nên tụng Chú này:

"**Án (1) đa lợi (2) đốt đa lợi (3) đốt lợi (4) toa ha**"

ॐ नरं तुनरं तुनरं
* OM – TÀRE TUTTÀRE – SVÀHÀ

Nếu tụng Chú này, hoặc tụng **Căn Bản Chú** lúc trước đều được. Quán chữ của Chú này, mỗi mỗi từ miệng của **Bản Thân** phóng ra ánh sáng bảy báu nhập vào miệng của Hành Giả, xuống đến trên vành trăng trong trái tim của Hành Giả, xoay vòng bày hàng. Quán xong, liền dùng Liên Hoa Tử Châu (tràng hạt làm bằng hạt sen) niệm tụng. Lúc cầm tràng hạt thời nên dùng ngón cái với ngón vô danh cùng vịn cầm, niệm tụng. Bắt đầu cầm tràng hạt, tụng **Tiểu Tâm Chú** ba biến.



Chú là:

"**Án (1) cử lỗ cử lệ (2) toa ha**"

ॐ कुकुले
OM _ KURUKULLE _ SVÀHÀ

Tác Pháp đó niệm tụng, nên tùy theo ý thích mà niệm nhiều ít, rộng phát nguyện lớn, tùy theo chỗ làm đều thỉnh bày hoặc xá lạy, lại kết Ấn lúc trước đều nên kết. Nếu chẳng thể kết hết, chỉ cần kết ba **Tam Muội Gia Ấn** lúc trước cũng được.

Kết Ấn này xong, nên tụng Chú này **Phát Khiển** hàng Trời. Chú là:

"**Ấn (1) cật lật đổ bà, tát bà tát đoả, át tha, tất địa, nại đa duệ tha nô già yết xa (2) đổ xá bột đà, tỳ sa diệm (3) bố na la già (4) ma na gia đổ, án phộc nhật-la, bát đạt ma, mục"**

ॐ ऋग्वेः सत्सर्वथ (सर्वत्र यथाशक्तं वदन्त्यं पुनरुक्तं मन्त्रं ॐ वज्रपद्मः

OM – KRTOVAḤ – SARVA SATVA ARTHA – SIDDHIRDATTÀ YATHA ANUGÀGACCHADHVAM – BUDDHA VIṢAYAM – PUNARÀGA MANÀYATU – OM – VAJRA- PADMA – MUḤ

Tụng Chú đó kết hợp **Liên Tam Muội Ấn**. Nâng Ấn an trên đầu, bung tán như Thời Pháp xưa nay cũng cùng Tướng.

Lại nên như trước **Phát Nguyện, Hồi Hưởng** xong, lễ tất cả chư Phật, Bồ Tát... khen ngợi. Trước tiên tự quán **Tự Thân Bồ Tát** khiến trở lại Bản Hình, tâm thường đối với các hữu tình khởi tâm cứu độ, sau đó tùy ý ra khỏi Tinh Xá

LIÊN HOA BỘ ĐA LỢI TÂM BỒ TÁT PHÁP
MỘT QUYỂN (Hết)

Thiên Minh, năm thứ hai, Nhâm Dần, Trọng Đông, đêm ngày mồng ba, canh hai. Dùng **Linh Vân Tạng Bản** ghi chép, lại hợp khảo xét xong, tức dùng Bản ấy

Bảo Vĩnh, núi Trung Nam, viện Bồ Đà Lạc **Nghĩa Cương** dùng bản xưa của chùa Như Ý Luân mà viết chép xong, dùng bản riêng để khảo xét kiểm điểm.

Cùng năm, tháng mười hai, ngày mười chín. Dùng Kinh **Đát Phộc Đa Lợi Tuỳ Tâm Đà La Ni** do Ngài **Trí Thông** dịch để khảo xét duyệt lại xong

Khoan Chính, năm thứ mười một, Kỷ Mùi, tháng mười, ngày mồng năm. Ghi chép, khảo xét xong

Đông Đô Vương Tử **Hựu Ứng** (53 tuổi)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 19/05/2011_ Huyền Thanh